

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI GIẢI TOÁN TRÊN MÁY TÍNH CẦM TAY CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
1	T9.204	Phan	Nhật		9A2	Thừa Thiên Huế	30	5	2006	THCS Nguyễn Huệ	Quận Tân Phú	Nhất	Toán 9	1
2	T9.218	Nguyễn Lưu Hoàng	Phúc		9A3	TP.HCM	26	3	2006	THCS Nguyễn Gia Thiều	Quận Tân Bình	Nhất	Toán 9	2
3	T9.026	Trần Quốc	Bảo		9A3	TP.HCM	16	8	2006	THCS Hai Bà Trưng	Huyện Nhà Bè	Nhất	Toán 9	3
4	T9.056	Trịnh Thái	Dương		9A4	Hà Nội	23	10	2006	THCS Lam Sơn	Quận 6	Nhất	Toán 9	4
5	T9.158	Huỳnh Tiến	Lợi		9A2	TP.HCM	20	11	2006	THCS Nguyễn Huệ	Quận Tân Phú	Nhất	Toán 9	5
6	T9.116	Lâm Vĩnh	Khang		9/9	TP.HCM	27	3	2006	THCS Tân Thới Hòa	Quận Tân Phú	Nhất	Toán 9	6
7	T9.015	Phạm Tuấn	Anh		9A4	Bạc Liêu	14	12	2006	THCS Lam Sơn	Quận 6	Nhất	Toán 9	7
8	T9.194	Hoàng Khôi	Nguyên		9A1	Thanh Hóa	20	4	2006	THCS Nguyễn An Ninh	Quận 12	Nhất	Toán 9	8
9	T9.212	Lâm Tấn	Phát		9/4	TP.HCM	11	7	2006	THCS Lê Anh Xuân	Quận Tân Phú	Nhất	Toán 9	9
10	T9.226	Nguyễn Lam	Phương	X	9A2	TP.HCM	10	6	2006	THCS Nguyễn Huệ	Quận Tân Phú	Nhất	Toán 9	10
11	T9.236	Lý Anh	Quân		9/2	Thừa Thiên Huế	15	6	2006	THCS Nguyễn Văn Bé	Quận Bình Thạnh	Nhất	Toán 9	11
12	T9.109	Trương Trần Gia	Huy		9A5	TP.HCM	14	2	2006	THCS Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	Nhất	Toán 9	12
13	T9.130	Nguyễn Đăng	Khoa		9A9	TP.HCM	16	1	2006	THCS Chánh Hưng	Quận 8	Nhất	Toán 9	13
14	T9.131	Nguyễn Đức Anh	Khoa		9A4	TP.HCM	9	9	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhất	Toán 9	14
15	T9.234	Lê Hồng	Quân		9.1	TP.HCM	4	2	2006	THCS Bình Trị Đông	Quận Bình Tân	Nhất	Toán 9	15
16	T9.011	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	X	9.07	TP.HCM	22	10	2006	THCS Lê Quý Đôn	Quận 3	Nhất	Toán 9	16
17	T9.171	Trần Đức	Mạnh		9/8	TP.HCM	14	8	2006	THCS Nguyễn Hiền	Quận 12	Nhất	Toán 9	17
18	T9.189	Phạm Đình Khánh	Ngọc	X	9A4	TP.HCM	12	3	2006	THCS Võ Văn Tần	Quận Tân Bình	Nhất	Toán 9	18
19	T9.205	Đỗ Yến	Nhi	X	9A8	Thanh Hóa	5	1	2006	THCS Lê Văn Hưu	Huyện Nhà Bè	Nhất	Toán 9	19
20	T9.219	Phạm Gia	Phúc		9A7	TP.HCM	4	8	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhất	Toán 9	20
21	T9.223	Đỗ Mạnh	Phước		9.1	TP.HCM	26	2	2006	THCS Phước Bình	Quận 9	Nhất	Toán 9	21
22	T9.279	Nguyễn Cao	Tiến		9A8	TP.HCM	17	4	2006	THCS Phú Mỹ	Quận Bình Thạnh	Nhất	Toán 9	22
23	T9.289	Lê Ân	Tri		9A1	TP.HCM	19	9	2006	THCS Hồng Bàng	Quận 5	Nhất	Toán 9	23
24	T9.042	Nguyễn Ngọc	Đạt		9/8	Quảng Nam	15	1	2006	THCS Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	Nhất	Toán 9	24
25	T9.057	Bùi Quang	Duy		9A15	TP.HCM	30	5	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhất	Toán 9	25
26	T9.121	Trần Trung	Khang		9A6	TP.HCM	1	6	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhất	Toán 9	26
27	T9.160	Đinh Hoàng	Long		9/8	TP.HCM	31	5	2006	THCS Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	Nhất	Toán 9	27
28	T9.202	Châu Minh	Nhật	X	9/6	TP.HCM	12	5	2006	THCS Hùng Vương	Quận Tân Phú	Nhất	Toán 9	28
29	T9.303	Trần Anh	Tuấn		9A1	TP.HCM	18	3	2006	THCS Kiến Thiết	Quận 3	Nhất	Toán 9	29
30	T9.164	Nguyễn Doãn Trí	Luân		9A4	TP.HCM	29	12	2006	THCS Lam Sơn	Quận 6	Nhất	Toán 9	30
31	T9.178	Phan Thị Trà	My	X	9a9	Lào Cai	15	10	2006	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	Nhất	Toán 9	31
32	T9.203	Nguyễn Trần Thiên	Nhật		9A5	TP.HCM	15	6	2006	THCS Lê Lai	Quận 8	Nhất	Toán 9	32
33	T9.244	Lại Minh	Sang		9/1	TP.HCM	3	6	2006	THCS Nguyễn Hiền	Quận 12	Nhi	Toán 9	1
34	T9.256	Cao Quốc	Thắng		9/4	TP.HCM	5	6	2006	THCS Hoàng Diệu	Quận Tân Phú	Nhi	Toán 9	2
35	T9.112	Phạm Ngọc	Huyền	X	9A15	TP.HCM	15	11	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhi	Toán 9	3
36	T9.136	Nguyễn Anh	Khôi		9A3	TP.HCM	17	2	2006	THCS Ngô Sĩ Liên	Quận Tân Bình	Nhi	Toán 9	4
37	T9.235	Lưu Tuấn	Quân		9H4	TP.HCM	8	7	2006	THCS Phạm Đình Hổ	Quận 6	Nhi	Toán 9	5
38	T9.030	Mai Quỳnh	Châu	X	9A3	TP.HCM	14	9	2006	THCS Hoa Lư	Quận 9	Nhi	Toán 9	6
39	T9.100	Dương Quốc	Huy		9A1	Bến Tre	6	3	2005	THCS Phong Phú	Huyện Bình Chánh	Nhi	Toán 9	7
40	T9.004	Phạm Đức	An		9/3	Lâm Đồng	1	11	2006	THCS Hoa Lư	Quận 9	Nhi	Toán 9	8
41	T9.009	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	X	9A13	TP.HCM	11	4	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhi	Toán 9	9
42	T9.180	Phan Thanh	Mỹ	X	9/6	TP.HCM	27	8	2006	THCS Tân Sơn	Quận Gò Vấp	Nhi	Toán 9	10
43	T9.193	Đỗ Khôi	Nguyên		9.1	TP.HCM	15	3	2006	THCS Phước Bình	Quận 9	Nhi	Toán 9	11
44	T9.220	Trần Hoàng	Phúc		9A4	TP.HCM	9	8	2006	Trung học thực hành Sài Gòn	Quận 5	Nhi	Toán 9	12
45	T9.271	Nguyễn Thị Anh	Thư	X	9/7	TP.HCM	16	10	2006	THCS Ngô Quyền	Quận Tân Bình	Nhi	Toán 9	13
46	T9.274	Trần Thị Minh	Thúy	X	9A8	Nam Định	11	6	2006	THCS Lê Văn Hưu	Huyện Nhà Bè	Nhi	Toán 9	14
47	T9.276	Ngô Thị Thanh	Thùy	X	9A2	TP.HCM	5	1	2006	THCS Nguyễn Huệ	Quận Tân Phú	Nhi	Toán 9	15
48	T9.302	Huỳnh Minh	Tuấn		9A5	TP.HCM	13	1	2006	THCS Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	Nhi	Toán 9	16

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
49	T9.311	Lý Tú	Văn	X	9H4	TP.HCM	14	2	2006	THCS Phạm Đình Hồ	Quận 6	Nhì	Toán 9	17
50	T9.028	Phan Văn	Chánh		9/8	TP.HCM	16	9	2006	THCS Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	Nhì	Toán 9	18
51	T9.036	Huỳnh Việt Công	Danh		9A1	TP.HCM	22	8	2006	THCS Trương Công Định	Quận Bình Thạnh	Nhì	Toán 9	19
52	T9.065	Nguyễn Trường	Giang		9.10	TP.HCM	16	12	2006	THCS Lê Tấn Bê	Quận Bình Tân	Nhì	Toán 9	20
53	T9.208	Vũ Thị Yến	Nhì	X	9-1	TP.HCM	16	7	2006	THCS Đồng Đen	Huyện Bình Chánh	Nhì	Toán 9	21
54	T9.216	Nguyễn Thanh	Phú		9.1	Quảng Ngãi	28	3	2006	THCS Trần Quốc Toàn	Quận Bình Tân	Nhì	Toán 9	22
55	T9.221	Trần Hữu	Phúc		9/2	TP.HCM	18	1	2006	THCS Nguyễn Văn Bé	Quận Bình Thạnh	Nhì	Toán 9	23
56	T9.306	Bùi Đức	Tường		9/10	TP.HCM	19	6	2006	THCS Nguyễn Văn Tổ	Quận 10	Nhì	Toán 9	24
57	T9.167	Nguyễn Thị Thanh	Mai	X	9/10	TP.HCM	23	12	2006	THCS Lý Thánh Tông	Quận 8	Nhì	Toán 9	25
58	T9.181	Nguyễn Hoài	Nam		9/10	TP.HCM	27	2	2006	THCS Nguyễn Văn Luông	Quận 6	Nhì	Toán 9	26
59	T9.228	Phan Thanh	Phuong	X	9A7	TP.HCM	4	8	2006	THCS Phú Mỹ	Quận Bình Thạnh	Nhì	Toán 9	27
60	T9.292	Nguyễn Minh	Trí		9A7	TP.HCM	22	3	2006	THCS Trương Công Định	Quận Bình Thạnh	Nhì	Toán 9	28
61	T9.300	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	X	9/7	TP.HCM	19	9	2006	THCS Ngô Quyền	Quận Tân Bình	Nhì	Toán 9	29
62	T9.058	Hồ Phương	Duy		9.1	TP.HCM	24	8	2006	THCS An Lạc	Quận Bình Tân	Nhì	Toán 9	30
63	T9.074	Trần Ngọc	Hân	X	9A5	Tây Ninh	8	8	2006	THCS Lê Văn Hưu	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	31
64	T9.118	Nguyễn Đặng Hoàng	Khang		9A6	TP.HCM	22	7	2006	THCS Văn Đôn	Quận 4	Nhì	Toán 9	32
65	T9.207	Trương Thảo	Nhì	X	9A1	TP.HCM	22	3	2006	THCS Nguyễn Huệ	Quận Tân Phú	Nhì	Toán 9	33
66	T9.227	Nguyễn Trần Hà	Phuong	X	9/2	TP.HCM	13	6	2006	THCS Nguyễn Du	Quận 1	Nhì	Toán 9	34
67	T9.272	Trần Hoàng Anh	Thư	X	9.8	TP.HCM	22	3	2006	THCS Phước Bình	Quận 9	Nhì	Toán 9	35
68	T9.023	Ngô Thế	Bảo		9.1	TP.HCM	7	1	2006	THCS Phước Bình	Quận 9	Nhì	Toán 9	36
69	T9.093	Vũ Quốc	Hùng		9a9	TP.HCM	23	9	2006	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	37
70	T9.195	Lê Thảo	Nguyên	X	9/1	Bến Tre	6	4	2006	THCS Thông Tây Hội	Quận Gò Vấp	Nhì	Toán 9	38
71	T9.224	Lê Trần Minh	Phuong		9A2	TP.HCM	9	8	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhì	Toán 9	39
72	T9.242	Lê Văn Hoàng	Quý		9A1	TP.HCM	4	2	2006	THCS Phú Mỹ	Quận Bình Thạnh	Nhì	Toán 9	40
73	T9.261	Nguyễn Trương Ngọc	Thảo	X	9A1	TP.HCM	28	11	2006	THCS Lê Thành Công	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	41
74	T9.309	Trần Hoàng Khả	Uyên	X	9A1	TP.HCM	28	4	2006	THCS Nguyễn Huệ	Quận 4	Nhì	Toán 9	42
75	T9.022	Lê Thanh Quốc	Bảo		9A7	TP.HCM	25	1	2006	THCS Hoàng Hoa Thám	Quận Tân Bình	Nhì	Toán 9	43
76	T9.037	Trần Đại Thành	Danh		7A1	TP.HCM	11	12	2008	THCS Ngô Chí Quốc	Quận Thủ Đức	Nhì	Toán 9	44
77	T9.048	Nguyễn Phong	Doanh		9/3	TP.HCM	17	5	2006	THCS Trần Quang Khải	Quận Tân Phú	Nhì	Toán 9	45
78	T9.067	Võ Minh	Giàu		9A3	TP.HCM	4	9	2004	THCS Bình Đông	Quận 8	Nhì	Toán 9	46
79	T9.138	Nguyễn Văn Minh	Khôi		9A4	TP.HCM	10	7	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Nhì	Toán 9	47
80	T9.139	Trần Hoàng	Khôi		9A3	TP.HCM	2	7	2006	THCS Nguyễn Gia Thiều	Quận Tân Bình	Nhì	Toán 9	48
81	T9.243	Đoàn Phương	Quỳnh	X	9A8	TP.HCM	6	9	2006	THCS Lê Văn Hưu	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	49
82	T9.269	Lâm Ngọc Thanh	Thư	X	9a5	TP.HCM	28	4	2006	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	50
83	T9.314	Vũ Thị Tường	Vi	X	9A4	Hà Tây	14	12	2006	THCS Lê Thành Công	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	51
84	T9.033	Nguyễn Phú	Cường		9a9	TP.HCM	1	3	2006	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	52
85	T9.135	Lương Minh	Khôi		9/10	TP.HCM	16	9	2006	THCS Tùng Thiện Vương	Quận 8	Nhì	Toán 9	53
86	T9.141	Trần Từ	Kiên		9A7	TP.HCM	4	4	2006	THCS Nguyễn Thị Thập	Quận 7	Nhì	Toán 9	54
87	T9.019	Đoàn Quốc	Bảo		9A5	TP.HCM	23	9	2006	THCS Độc Lập	Quận Phú Nhuận	Nhì	Toán 9	55
88	T9.166	Đoàn Khánh	Ly	X	9/5	TP.HCM	23	2	2006	THCS Đông Thạnh	Huyện Hóc Môn	Nhì	Toán 9	56
89	T9.198	Lê Thanh	Nhã	X	9A2	TP.HCM	20	9	2006	THCS Lương Định Của	Quận 2	Nhì	Toán 9	57
90	T9.307	Đỗ Hoàng	Uyên	X	9/8	TP.HCM	14	3	2006	THCS Thị Trấn 2	Huyện Củ Chi	Nhì	Toán 9	58
91	T9.319	Lê Thị Như	Ý	X	9A3	TP.HCM	16	8	2006	THCS Bình Đông	Quận 8	Nhì	Toán 9	59
92	T9.041	Nguyễn Lương Tuấn	Đạt		9.10	TP.HCM	24	3	2006	THCS Tân Túc	Huyện Bình Chánh	Nhì	Toán 9	60
93	T9.068	Trần Lê Thanh	Hà	X	9/9	Hà Tĩnh	6	1	2006	THCS Tân Xuân	Huyện Hóc Môn	Nhì	Toán 9	61
94	T9.134	Lê Huỳnh Anh	Khôi		9A1	TP.HCM	9	4	2006	THCS Phước Thạnh	Huyện Củ Chi	Nhì	Toán 9	62
95	T9.012	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	X	9A3	TP.HCM	26	8	2006	THCS Hoa Lư	Quận 9	Nhì	Toán 9	63
96	T9.182	Lê Thị Thanh	Nga	X	9a9	Hải Dương	3	2	2006	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	Nhì	Toán 9	64
97	T9.190	Trần Hồng Khánh	Ngọc	X	9/1	TP.HCM	3	6	2006	THCS Hoàng Văn Thụ	Quận 10	Ba	Toán 9	1
98	T9.238	Tạ Hồng	Quân		9/7	TP.HCM	20	3	2006	THCS Ngô Quyền	Quận Tân Bình	Ba	Toán 9	2
99	T9.298	Lê Nguyễn Minh	Tú	X	9/8	TP.HCM	24	5	2006	THCS Thị Trấn 2	Huyện Củ Chi	Ba	Toán 9	3

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
100	T9.047	Nguyễn	Đinh		9A1	Lâm Đồng	6	2	2006	THCS Kiến Thiết	Quận 3	Ba	Toán 9	4
101	T9.053	Phạm Nguyễn Hoàng	Dũng	X	9/9	TP.HCM	18	7	2006	THCS Đặng Trần Côn	Quận Tân Phú	Ba	Toán 9	5
102	T9.071	Lê Nguyễn Bảo	Hân	X	9.16	Bến Tre	26	12	2006	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Quận Bình Tân	Ba	Toán 9	6
103	T9.088	Vũ Lê	Hoàng		9A13	TP.HCM	14	4	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Ba	Toán 9	7
104	T9.104	Nguyễn Quốc	Huy		9/4	TP.HCM	1	10	2006	THCS Đồng Khởi	Quận Tân Phú	Ba	Toán 9	8
105	T9.114	Lê Đăng	Khải		9a1	TP.HCM	12	4	2006	THCS Đoàn Thị Điểm	Quận 3	Ba	Toán 9	9
106	T9.128	Lê Anh	Khoa		9/3	TP.HCM	4	4	2006	THCS Hoa Lư	Quận 9	Ba	Toán 9	10
107	T9.129	Liều Tấn	Khoa		9/7	TP.HCM	1	4	2006	THCS Võ Trường Toản	Quận 1	Ba	Toán 9	11
108	T9.147	Hoàng Sơn	Lâm		9A1	Bình Thuận	10	3	2006	THCS Nguyễn An Khương	Huyện Hóc Môn	Ba	Toán 9	12
109	T9.007	Lê Nguyễn	Ấn		9A1	TP.HCM	26	4	2006	THCS Kiến Thiết	Quận 3	Ba	Toán 9	13
110	T9.263	Đinh Duy	Thịnh		9A1	TP.HCM	18	6	2006	THCS Hà Huy Tập	Quận 12	Ba	Toán 9	14
111	T9.025	Nguyễn Lê	Bảo		9A13	Đồng Nai	23	7	2006	THCS Lê Quý Đôn	Quận Thủ Đức	Ba	Toán 9	15
112	T9.027	Tạ Thanh	Bình		9/8	TP.HCM	11	11	2006	THCS Nguyễn Văn Tổ	Quận 10	Ba	Toán 9	16
113	T9.034	Phùng Nhật	Cường		9.6	TP.HCM	13	10	2006	THCS Tân Tạo	Quận Bình Tân	Ba	Toán 9	17
114	T9.045	Lữ Lê Kiều	Diễm	X	9/1	Quảng Ngãi	28	8	2006	THCS Nguyễn Văn Nghi	Quận Gò Vấp	Ba	Toán 9	18
115	T9.082	Nguyễn Trung	Hiếu		8.14	TP.HCM	4	5	2007	THCS Nguyễn Trãi	Quận Bình Tân	Ba	Toán 9	19
116	T9.001	Hồ Vũ Thư	An	X	9A3	TP.HCM	25	12	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Ba	Toán 9	20
117	T9.010	Nguyễn Mai Phương	Anh	X	9/3	TP.HCM	18	1	2006	THCS Thông Tây Hội	Quận Gò Vấp	Ba	Toán 9	21
118	T9.016	Phạm Vũ Đức	Anh		9A1	TP.HCM	2	10	2006	THCS Nguyễn Chí Thanh	Quận 12	Ba	Toán 9	22
119	T9.172	Huỳnh Khánh	Minh	X	9/10	TP.HCM	17	3	2006	THCS Nguyễn Văn Luông	Quận 6	Ba	Toán 9	23
120	T9.176	Thái Anh	Minh		9/2	TP.HCM	21	2	2006	THCS Trường Thọ	Quận Thủ Đức	Ba	Toán 9	24
121	T9.186	Nguyễn Trọng	Nghĩa		9A1	Đồng Tháp	25	3	2006	THCS Cửu Long	Quận Bình Thạnh	Ba	Toán 9	25
122	T9.201	Võ Nguyễn Trung	Nhân		9A3	TP.HCM	12	5	2006	THCS Nguyễn Văn Xơ	Huyện Củ Chi	Ba	Toán 9	26
123	T9.230	Nguyễn Ngọc Minh	Phượng	X	9.8	TP.HCM	26	11	2006	THCS An Lạc	Quận Bình Tân	Ba	Toán 9	27
124	T9.233	Lê Hoàng	Quân		9/8	TP.HCM	29	5	2006	THCS Tân Xuân	Huyện Hóc Môn	Ba	Toán 9	28
125	T9.249	Lưu Triển	Tài		9.2	Khánh Hòa	8	6	2006	THCS Tân Tạo	Quận Bình Tân	Ba	Toán 9	29
126	T9.310	Vũ Quỳnh	Uyên	X	9-7	TP.HCM	19	10	2006	THCS Lê lợi	Quận 3	Ba	Toán 9	30
127	T9.317	Võ Quang	Vũ		9.10	Tây Ninh	4	9	2006	THCS Tân Túc	Huyện Bình Chánh	Ba	Toán 9	31
128	T9.318	Lê Nguyễn Phương	Vy	X	9a1	TP.HCM	26	10	2006	THCS Đoàn Thị Điểm	Quận 3	Ba	Toán 9	32
129	T9.320	Phan Huỳnh Hải	Yến	X	9/12	TP.HCM	30	4	2006	THCS Ngô Quyền	Quận Tân Bình	Ba	Toán 9	33
130	T9.040	Kiều Tuấn	Đạt		9A2	Hà Nội	9	4	2006	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Quận 11	Ba	Toán 9	34
131	T9.055	Nguyễn Lê Thùy	Dương	X	9/8	Thừa Thiên Huế	18	8	2006	THCS Nguyễn Du	Quận Gò Vấp	Ba	Toán 9	35
132	T9.061	Phạm	Duy		9A5	TP.HCM	8	2	2006	THCS Tân Phú	Quận 9	Ba	Toán 9	36
133	T9.069	Bùi Gia	Hân	X	9/1	TP.HCM	24	12	2006	THCS Lê Anh Xuân	Quận Tân Phú	Ba	Toán 9	37
134	T9.099	Đương Hoàng Đan	Huy		9/8	TP.HCM	17	11	2006	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Quận Gò Vấp	Ba	Toán 9	38
135	T9.103	Nguyễn Phạm Quang	Huy		8/10	TP.HCM	16	1	2007	THCS Trường Thọ	Quận Thủ Đức	Ba	Toán 9	39
136	T9.107	Phạm Lê Tường	Huy	X	9/2	TP.HCM	24	3	2006	THCS Hùng Vương	Quận Tân Phú	Ba	Toán 9	40
137	T9.108	Phan Nhật	Huy		9/1	TP.HCM	21	8	2006	THCS Tân Thông Hội	Huyện Củ Chi	Ba	Toán 9	41
138	T9.144	Trần Anh	Kiệt		9/6	TP.HCM	12	9	2006	THCS Tân Sơn	Quận Gò Vấp	Ba	Toán 9	42
139	T9.150	Lê Gia	Linh	X	9.8	TP.HCM	24	2	2006	THCS Phước Bình	Quận 9	Ba	Toán 9	43
140	T9.213	Trần Công Tuấn	Phong		9/4	TP.HCM	13	2	2006	THCS Thông Tây Hội	Quận Gò Vấp	Ba	Toán 9	44
141	T9.214	Bùi Gia	Phú		9 10	TP.HCM	19	12	2006	THCS Lê Quý Đôn	Quận 3	Ba	Toán 9	45
142	T9.231	Bùi Minh	Quân		9A5	TP.HCM	18	1	2006	THCS Nguyễn Văn Xơ	Huyện Củ Chi	Ba	Toán 9	46
143	T9.280	Nguyễn Trung	Tín		9A9	TP.HCM	27	5	2006	THCS Hà Huy Tập	Quận Bình Thạnh	Ba	Toán 9	47
144	T9.288	Tô Hoàng Phương	Trang	X	9/7	TP.HCM	18	8	2006	THCS Thị Trấn 2	Huyện Củ Chi	Ba	Toán 9	48
145	T9.316	Võ Minh	Vũ		9.10	TP.HCM	1	7	2006	THCS Tân Túc	Huyện Bình Chánh	Ba	Toán 9	49
146	T9.013	Nguyễn Thị Kim	Anh	X	9/9	TP.HCM	14	12	2006	THCS Tân Xuân	Huyện Hóc Môn	Ba	Toán 9	50
147	T9.020	Lê Gia	Bảo		9 07	TP.HCM	15	1	2006	THCS Lê Quý Đôn	Quận 3	Ba	Toán 9	51
148	T9.170	Phạm Thanh	Mẫn	X	9A8	TP.HCM	21	3	2006	THCS Bình Chiểu	Quận Thủ Đức	Ba	Toán 9	52
149	T9.215	Nguy Minh	Phú		9/8	TP.HCM	13	10	2006	THCS Tân Bình	Quận Tân Bình	Ba	Toán 9	53
150	T9.239	Đương Hiền	Quang		9/1	TP.HCM	4	7	2006	THCS Hậu Giang	Quận 6	Ba	Toán 9	54

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
151	T9.240	Trịnh Võ Minh	Quang		9A4	TP.HCM	23	12	2006	THCS Trường Chinh	Quận Tân Bình	Ba	Toán 9	55
152	T9.241	Võ Minh	Quốc		9/2	TP.HCM	29	12	2006	THCS Nguyễn Du	Quận 1	Ba	Toán 9	56
153	T9.264	Nguyễn Hữu	Thịnh		9/10	TP.HCM	9	1	2006	THCS Hoàng Hữu Thụ	Quận 10	Ba	Toán 9	57
154	T9.281	Liêu Bích	Trần	X	9A3	TP.HCM	15	12	2006	THCS Hoàng Lê Kha	Quận 6	Ba	Toán 9	58
155	T9.282	Lưu Bảo	Trần	X	9A5	TP.HCM	7	10	2006	Trung học thực hành Sài Gòn	Quận 5	Ba	Toán 9	59
156	T9.291	Nguyễn Minh	Trí		9/3	TP.HCM	20	7	2006	THCS Phú Hòa Đông	Huyện Củ Chi	Ba	Toán 9	60
157	T9.029	Lê Hoàng Bảo	Châu	X	9A1	TP.HCM	18	3	2006	THCS Lương Định Của	Quận 2	Ba	Toán 9	61
158	T9.038	Bùi Thành	Đạt		9.5	TP.HCM	18	10	2006	THCS Cần Thạnh	Huyện Cần Giờ	Ba	Toán 9	62
159	T9.052	Trương Vũ Minh	Đức		9A12	TP.HCM	4	12	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Ba	Toán 9	63
160	T9.063	Phan Anh	Duy		9A1	TP.HCM	4	3	2006	THCS Trương Công Định	Quận Bình Thạnh	Ba	Toán 9	64
161	T9.078	Đinh Quang	Hiển		9A11	TP.HCM	22	5	2006	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	Ba	Toán 9	65
162	T9.080	Huỳnh Bình	Hiếu		9H4	TP.HCM	10	4	2006	THCS Phạm Đình Hổ	Quận 6	Ba	Toán 9	66
163	T9.085	Nguyễn Thái	Hòa		9A1	TP.HCM	16	4	2006	THCS Tân Phú	Quận 9	Ba	Toán 9	67
164	T9.091	Nguyễn Mạnh	Hùng		9A3	TP.HCM	30	5	2006	THCS Hoa Lư	Quận 9	Ba	Toán 9	68
165	T9.110	Vũ Minh	Huy		9/10	TP.HCM	2	9	2006	THCS Nguyễn Văn Luông	Quận 6	Ba	Toán 9	69
166	T9.111	Phạm Gia	Huyền	X	9A1	TP.HCM	11	10	2006	THCS Nguyễn Huệ	Quận 4	Ba	Toán 9	70
167	T9.122	Nguyễn Đăng	Khánh		9A4	TP.HCM	7	6	2006	THCS Thái Văn Lung	Quận Thủ Đức	Ba	Toán 9	71
168	T9.132	Phan Nguyễn Đăng	Khoa		9/6	TP.HCM	16	1	2006	THCS Nguyễn Văn Tổ	Quận 10	Ba	Toán 9	72
169	T9.142	Đỗ Ngọc Tuấn	Kiệt		9A3	TP.HCM	28	3	2006	THCS Lương Định Của	Quận 2	Ba	Toán 9	73
170	T9.148	Đặng Phạm Khánh	Linh	X	9A7	Hải Phòng	5	5	2006	THCS Nguyễn Thị Thập	Quận 7	Ba	Toán 9	74
171	T9.270	Nguyễn Phan Anh	Thư	X	9A2	TP.HCM	19	9	2006	THCS Văn Đồng	Quận 4	Ba	Toán 9	75
172	T9.101	Huỳnh Công Quốc	Huy		9/14	TP.HCM	18	5	2006	THCS Vĩnh Lộc A	Huyện Bình Chánh	Ba	Toán 9	76
173	T9.125	Phạm Duy	Khiêm		9/10	TP.HCM	12	10	2006	THCS Lý Thánh Tông	Quận 8	Ba	Toán 9	77
174	T9.143	Nguyễn Tuấn	Kiệt		9A1	Khánh Hòa	5	3	2006	THCS Ngô Chí Quốc	Quận Thủ Đức	Ba	Toán 9	78
175	T9.161	Đinh Nguyễn Hoàng	Long		9A4	TP.HCM	21	1	2006	Trung học thực hành Sài Gòn	Quận 5	Ba	Toán 9	79
176	T9.165	Nguyễn Thành	Luân		9A2	TP.HCM	6	2	2006	THCS Phan Bội Châu	Quận 12	Ba	Toán 9	80
177	T9.173	Kinh Thụy Hải	Minh	X	9/10	TP.HCM	19	1	2006	THCS Lê Văn Tám	Quận Bình Thạnh	Ba	Toán 9	81
178	T9.184	Lê Thị Xuân	Nghi	X	9/8	TP.HCM	15	5	2006	THCS Tân Xuân	Huyện Hóc Môn	Ba	Toán 9	82
179	T9.188	Hồ Châu Khánh	Ngọc	X	9A1	TP.HCM	31	3	2006	THCS Trần Quốc Toản	Quận 9	Ba	Toán 9	83
180	T9.192	Cao Chí	Nguyễn		9A4	TP.HCM	30	5	2006	THCS Nguyễn An Ninh	Quận 12	Ba	Toán 9	84
181	T9.199	Nguyễn Vũ Trọng	Nhân		9A4	TP.HCM	1	7	2006	THCS Nguyễn Văn Xơ	Huyện Củ Chi	Ba	Toán 9	85
182	T9.210	Nguyễn Hoàng Khánh	Như	X	9/3	TP.HCM	4	1	2006	THCS Hoàng Văn Thụ	Quận 10	Ba	Toán 9	86
183	T9.232	Hồ Đức	Quân		9/10	Nghệ An	20	3	2006	THCS Đông Thạnh	Huyện Hóc Môn	Ba	Toán 9	87
184	T9.283	Trương Minh	Trần		9A4	TP.HCM	7	10	2006	THCS Lữ Gia	Quận 11	Ba	Toán 9	88
185	T9.286	Nguyễn Mai	Trang	X	8.2	Vĩnh Phúc	22	5	2007	THCS Bình Trị Đông	Quận Bình Tân	Ba	Toán 9	89
186	T9.043	Nguyễn Thành	Đạt		9.10	TP.HCM	12	1	2006	THCS Lê Tấn Bê	Quận Bình Tân	Ba	Toán 9	90
187	T9.060	Lê Minh	Duy		9A5	TP.HCM	29	11	2006	THCS Độc Lập	Quận Phú Nhuận	Ba	Toán 9	91
188	T9.076	Lý Nhật	Hào		9/10	TP.HCM	20	10	2006	THCS Tùng Thiện Vương	Quận 8	Ba	Toán 9	92
189	T9.086	Nguyễn Lý Khánh	Hoàng	X	9A2	Bến Tre	28	5	2006	THCS Bình Chiểu	Quận Thủ Đức	Ba	Toán 9	93
190	T9.098	Đương Gia	Huy		9.10	TP.HCM	6	9	2006	THCS Tân Túc	Huyện Bình Chánh	Ba	Toán 9	94
191	T9.133	Huỳnh Minh	Khôi		9A3	TP.HCM	21	6	2006	THCS Thăng Long	Quận 3	Ba	Toán 9	95
192	T9.155	Trần Phương	Linh	X	9A1	TP.HCM	17	8	2006	THCS Lương Định Của	Quận 2	Ba	Toán 9	96
193	T12.166	Nguyễn Quang	Huy		12A01	TP.HCM	11	6	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Toán 12	1
194	T12.282	Nguyễn Trần Thiện	Nhân		12A12	Thừa Thiên Huế	13	4	2003	THPT Trần Phú		Nhất	Toán 12	2
195	T12.309	Tôn Gia	Phú		12A7	TP.HCM	18	3	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Toán 12	3
196	T12.325	Đinh Bùi Huy	Phương		12C6	TP.HCM	29	9	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhất	Toán 12	4
197	T12.358	Mai Đăng Đức	Tài		12A01	TP.HCM	7	5	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Toán 12	5
198	T12.397	Phạm Mỹ	Tiên	X	12TN1	TP.HCM	11	10	2003	THPT Trưng Phú		Nhất	Toán 12	6
199	T12.063	Lương Trần Công	Danh		12CT1	TP.HCM	24	1	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Toán 12	7
200	T12.161	Mai Nhật	Huy		12A01	TP.HCM	8	4	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Toán 12	8
201	T12.331	Cao Minh	Quân		12CT	TP.HCM	23	10	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Toán 12	9

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
202	T12.338	Phạm Thanh	Quang		12A01	TP.HCM	1	10	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Toán 12	10
203	T12.449	Huỳnh Diễm Trúc	Uyên	X	2 TOÁN	TP.HCM	25	2	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Toán 12	11
204	T12.009	Lê Thiên	Án		12A01	TP.HCM	20	1	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhất	Toán 12	12
205	T12.040	Trần Nguyễn Gia	Bảo		12 A1	TP.HCM	20	9	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Toán 12	13
206	T12.047	Nguyễn Đức	Cánh		12C15	Nam Định	24	8	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhất	Toán 12	14
207	T12.237	Hà Quang	Minh		2 TOÁN	TP.HCM	15	5	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Toán 12	15
208	T12.257	Vu Phương	Nam		2 TOÁN	TP.HCM	23	7	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Toán 12	16
209	T12.274	Nguyễn Minh	Nguyên		12A11	TP.HCM	20	5	2003	THPT Phú Nhuận		Nhất	Toán 12	17
210	T12.337	Phạm Hồ Thanh	Quang		12A01	TP.HCM	18	10	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhất	Toán 12	18
211	T12.357	Lộc	Tài		12A02	Đồng Nai	8	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Toán 12	19
212	T12.039	Phạm Xuân	Bảo		12TN1	TP.HCM	22	10	2003	THPT Trung Phú		Nhất	Toán 12	20
213	T12.159	Lê Đăng Phan	Huy		12A16	TP.HCM	24	7	2003	THPT Phú Nhuận		Nhất	Toán 12	21
214	T12.175	Phạm	Huỳnh		12A02	Long An	28	10	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Toán 12	22
215	T12.214	Trần Tùng	Lâm		12A01	TP.HCM	26	2	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Toán 12	23
216	T12.289	Nguyễn Thị Huyền	Nhi	X	12A1	TP.HCM	14	7	2003	THPT An Nhơn Tây		Nhất	Toán 12	24
217	T12.060	Nguyễn Minh	Đặng		12A1	TP.HCM	1	9	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Toán 12	25
218	T12.190	Trương Lê Gia	Khánh		12CT	TP.HCM	1	10	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Toán 12	26
219	T12.010	Đặng Ngọc	Anh		12C1	TP.HCM	23	5	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhất	Toán 12	27
220	T12.061	Phương Hải	Đặng		12A1	TP.HCM	11	9	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Nhất	Toán 12	28
221	T12.065	Bùi Đức	Đạt		12A1	TP.HCM	9	6	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhất	Toán 12	29
222	T12.082	Đỗ Dự	Đức		12A2	TP.HCM	6	1	2003	THPT Lê Minh Xuân		Nhất	Toán 12	30
223	T12.144	Trần Hữu Nhật	Hoàng		12CT	TP.HCM	13	12	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Toán 12	31
224	T12.165	Nguyễn Quang	Huy		12CT	TP.HCM	3	12	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Toán 12	32
225	T12.172	Từ Lễ	Huy		12A1	TP.HCM	22	12	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Toán 12	33
226	T12.196	Hoàng Huy Minh	Khôi		12CT	Gia Lai	26	10	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Toán 12	34
227	T12.230	Nguyễn Thiện	Long		12A13	TP.HCM	21	5	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhất	Toán 12	35
228	T12.240	Nguyễn Nhật	Minh		12A1	Thanh Hóa	6	12	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhất	Toán 12	36
229	T12.292	Phạm Thu	Nhiên	X	12A5	Quảng Ngãi	15	2	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Nhất	Toán 12	37
230	T12.302	Trần Hồ Nhựt	Phát		12A1	Đồng Nai	15	10	2003	THPT An Dương Vương		Nhất	Toán 12	38
231	T12.305	Lê Thành	Phong		12TN1	Bình Dương	28	8	2003	THPT Trung Phú		Nhất	Toán 12	39
232	T12.323	Ngô Thái	Phụng	X	12CT	TP.HCM	4	12	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Toán 12	40
233	T12.334	Võ Minh	Quân		12A13	TP.HCM	8	7	2003	THPT Phú Nhuận		Nhất	Toán 12	41
234	T12.384	Nguyễn Hữu	Thọ		12CT1	Thanh Hóa	10	3	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Toán 12	42
235	T12.400	Nguyễn Minh	Tiến		12A01	Bà Rịa - Vũng Tàu	4	9	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhất	Toán 12	43
236	T12.427	Nguyễn Đăng Minh	Trực		12A02	TP.HCM	9	3	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Toán 12	44
237	T12.461	Hoàng Long	Vũ		12A4	Bình Dương	9	12	2003	THPT Thủ Đức		Nhất	Toán 12	45
238	T12.163	Nguyễn Hoàng	Huy		12A1	TP.HCM	11	5	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Toán 12	46
239	T12.193	Hoàng Đăng	Khoa		11B2	TP.HCM	12	7	2004	THPT Lê Minh Xuân		Nhất	Toán 12	47
240	T12.249	Bùi Huy Hải	Nam		12A1	TP.HCM	4	8	2003	THPT Gia Định		Nhất	Toán 12	48
241	T12.012	Hà Quỳnh	Anh	X	12CT1	TP.HCM	7	12	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhi	Toán 12	1
242	T12.029	Trần Huy	Bân		12A1	TP.HCM	1	12	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhi	Toán 12	2
243	T12.067	Lâm Minh	Đạt		12A18	TP.HCM	19	10	2003	THPT Trần Quang Khải		Nhi	Toán 12	3
244	T12.133	Hoàng Đức	Hòa		12A9	TP.HCM	23	11	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhi	Toán 12	4
245	T12.168	Nguyễn Trương Đan	Huy		12C1	Tây Ninh	4	10	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhi	Toán 12	5
246	T12.182	Nguyễn Lê Tuấn	Khang		2 TOÁN	TP.HCM	16	10	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhi	Toán 12	6
247	T12.185	Trương Trần Phương	Khanh		12T1	TP.HCM	22	8	2003	THPT Đa Phước		Nhi	Toán 12	7
248	T12.200	Đỗ Minh	Khương		12 A1	TP.HCM	29	1	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhi	Toán 12	8
249	T12.216	Nguyễn Quốc	Lân		12A13	Đắk Lắk	25	6	2003	THPT Tân Bình		Nhi	Toán 12	9
250	T12.242	Nguyễn Tuấn	Minh		12G	Hà Nội	2	12	2003	THPT Ngô Quyền		Nhi	Toán 12	10
251	T12.279	Lê Thành	Nhân		12A3	TP.HCM	3	10	2003	THPT Tân Túc		Nhi	Toán 12	11
252	T12.313	Huỳnh Hoàng	Phúc		12A12	Bình Thuận	20	7	2003	THPT Tân Bình		Nhi	Toán 12	12

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
253	T12.366	Lê Ngọc	Thạch		12CT	TP.HCM	10	8	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Toán 12	13
254	T12.369	Nguyễn Lộc	Thanh		12CT2	TP.HCM	12	8	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Toán 12	14
255	T12.381	Nguyễn Cường	Thịnh		12A18	Hàn Quốc	12	11	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Toán 12	15
256	T12.405	Lữ Trung	Tín		12A1	TP.HCM	29	9	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Toán 12	16
257	T12.442	Trần Nguyễn Minh	Tuệ		12A06	TP.HCM	20	3	2003	THPT Võ Thị Sáu		Nhì	Toán 12	17
258	T12.224	Phan Thùy	Linh	X	12CT1	TP.HCM	22	12	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Toán 12	18
259	T12.411	Trương Hương	Trà	X	12CT	TP.HCM	6	9	2003	THPT Gia Định		Nhì	Toán 12	19
260	T12.026	Đặng Thị Ngọc	Ánh	X	12A1	Nam Định	24	3	2003	THPT Giồng Ông Tố		Nhì	Toán 12	20
261	T12.051	Nguyễn Mỹ	Chi	X	12A12	TP.HCM	10	4	2003	THPT Võ Thị Sáu		Nhì	Toán 12	21
262	T12.064	Lê Quang	Đạo	X	12A2	Bình Phước	7	8	2003	THPT Việt Âu		Nhì	Toán 12	22
263	T12.069	Nguyễn Thành	Đạt		12A1.1	Tây Ninh	12	7	2003	THPT Nhân Việt		Nhì	Toán 12	23
264	T12.152	Nguyễn Tiến	Hưng		12A02	TP.HCM	24	12	2003	THPT Phú Nhuận		Nhì	Toán 12	24
265	T12.183	Nguyễn Minh	Khang		12A01	TP.HCM	3	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhì	Toán 12	25
266	T12.211	Lê Văn Cao	Kỳ		12A1	Quảng Trị	3	1	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhì	Toán 12	26
267	T12.213	Huỳnh Phạm Đức	Lâm		12A7	Đồng Nai	4	3	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhì	Toán 12	27
268	T12.229	Nguyễn Đức	Long		12A06	Hà Nội	29	9	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Nhì	Toán 12	28
269	T12.233	Mai Nguyễn	Luân		12A07	TP.HCM	8	11	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhì	Toán 12	29
270	T12.238	Lê Vũ Quang	Minh		12A08	TP.HCM	13	10	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhì	Toán 12	30
271	T12.250	Đặng Xuân	Nam		12A04	TP.HCM	25	5	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhì	Toán 12	31
272	T12.345	Nguyễn Thị Phương	Quyên	X	12P	TP.HCM	24	5	2003	THPT Ngô Quyền		Nhì	Toán 12	32
273	T12.475	Nguyễn Đức	Minh	0	12A5	TP.HCM	11	9	2003	THCS-THPT Hồng Hà		Nhì	Toán 12	33
274	T12.380	Lê Quốc	Thịnh		12A1	Đồng Nai	29	3	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Toán 12	34
275	T12.413	Nguyễn Hoàng Bảo	Trần	X	12A1	TP.HCM	13	5	2003	THPT Ten Lơ Man		Nhì	Toán 12	35
276	T12.419	Hoàng Phạm Minh	Trí		12A14	TP.HCM	21	11	2003	THPT Phú Nhuận		Nhì	Toán 12	36
277	T12.426	Lê Vũ Ngân	Trúc	X	12CTIN	TP.HCM	21	4	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Toán 12	37
278	T12.037	Nguyễn Lâm Gia	Bảo		12A01	TP.HCM	24	7	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Toán 12	38
279	T12.041	Đỗ Thanh	Bình		12A18	TP.HCM	28	12	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Toán 12	39
280	T12.056	Nguyễn Quốc	Đại		12B	Tiền Giang	13	2	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Toán 12	40
281	T12.244	Phạm Quang	Minh		12A08	TP.HCM	9	4	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Toán 12	41
282	T12.011	Đặng Thành	Anh	X	12A1	Bình Định	18	6	2001	THPT Việt Âu		Nhì	Toán 12	42
283	T12.023	Trần Đặng Tuấn	Anh		12C1	TP.HCM	29	4	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhì	Toán 12	43
284	T12.025	Trần Tuấn	Anh		12A1-2	TP.HCM	5	12	2003	THCS và THPT Nam Việt		Nhì	Toán 12	44
285	T12.034	Lê Nguyễn Hoài	Bảo		12A2	TP.HCM	1	7	2003	THPT Trưng Vương		Nhì	Toán 12	45
286	T12.054	Nguyễn Phạm Nhật	Cường		12A02	TP.HCM	15	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhì	Toán 12	46
287	T12.058	Hoàng Minh Hải	Đặng		12A06	TP.HCM	12	5	2003	THPT Phú Nhuận		Nhì	Toán 12	47
288	T12.066	Huỳnh Tuấn	Đạt		12A7	TP.HCM	8	8	2003	THPT Phạm Phú Thứ		Nhì	Toán 12	48
289	T12.071	Trần Nguyễn Minh	Đạt		12A01	TP.HCM	3	9	2003	THPT Marie Curie		Nhì	Toán 12	49
290	T12.073	Đinh Lệ	Diễm	X	12C12	Hà Tây	30	12	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhì	Toán 12	50
291	T12.077	Ngô Huỳnh Khánh	Đoan	X	12CT	TP.HCM	20	12	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Toán 12	51
292	T12.083	Đỗ Minh	Đức		12C12	Cần Thơ	31	3	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhì	Toán 12	52
293	T12.117	Đặng Công	Hậu		12A1	TP.HCM	19	1	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhì	Toán 12	53
294	T12.132	Trương Lê Minh	Hiếu		12A1	TP.HCM	26	11	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Nhì	Toán 12	54
295	T12.139	Nguyễn Minh	Hoàng		12A3	TP.HCM	11	10	2003	THPT Tây Thạnh		Nhì	Toán 12	55
296	T12.141	Phan Huy	Hoàng		12A15	Tây Ninh	21	5	2003	THPT Bình Hưng Hòa		Nhì	Toán 12	56
297	T12.149	Phạm Gia	Hùng		12A3	TP.HCM	14	6	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhì	Toán 12	57
298	T12.154	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	X	12A1	TP.HCM	31	8	2003	THPT Gò Vấp		Nhì	Toán 12	58
299	T12.156	Đoàn Anh	Huy		12A4	Ninh Thuận	8	3	2003	THPT Bình Chánh		Nhì	Toán 12	59
300	T12.167	Nguyễn Quốc	Huy		12A2	TP.HCM	14	4	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhì	Toán 12	60
301	T12.171	Trương Gia	Huy		12A14	Thừa Thiên Huế	8	4	2003	THPT Bình Hưng Hòa		Nhì	Toán 12	61
302	T12.179	Huỳnh Quang	Khải		12A7	TP.HCM	26	8	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Toán 12	62
303	T12.197	Nguyễn Anh	Khôi		12A10	TP.HCM	9	4	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhì	Toán 12	63

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
304	T12.208	Trương Tuấn	Kiệt		12A1	TP.HCM	16	10	2003	THPT Gia Định		Nhì	Toán 12	64
305	T12.212	Ngô Phúc Quỳnh	Lam	X	12A1	TP.HCM	13	11	2003	THPT Lương Thế Vinh		Nhì	Toán 12	65
306	T12.215	Dương Hồng	Lan	X	12A5.1	TP.HCM	15	10	2003	THPT Gia Định		Nhì	Toán 12	66
307	T12.219	Bùi KhaNh	Linh	X	12A03	TP.HCM	6	6	2003	THPT Bình Phú		Nhì	Toán 12	67
308	T12.231	Nguyễn Văn Đức	Long		12A1	TP.HCM	18	8	2003	THPT Nam Sài Gòn		Nhì	Toán 12	68
309	T12.232	Nguyễn Văn Quang	Long		12C6	Nam Định	23	7	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhì	Toán 12	69
310	T12.266	Nguyễn Thị Kim	Ngân	X	12A1	TP.HCM	19	5	2003	THPT Lê Minh Xuân		Nhì	Toán 12	70
311	T12.285	Lâm Hoàng	Nhật		12A18	TP.HCM	7	6	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Toán 12	71
312	T12.293	Lê Thị Quỳnh	Như	X	12A03	Lâm Đồng	29	12	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhì	Toán 12	72
313	T12.303	Nguyễn Nhật	Phi		12K	TP.HCM	30	11	2003	THPT Ngô Quyền		Nhì	Toán 12	73
314	T12.308	Lê Sĩ	Phú		12A3	Bến Tre	2	9	2003	THPT Tân Túc		Nhì	Toán 12	74
315	T12.328	Phạm Song Nam	Phương	X	12D4	TP.HCM	26	8	2003	THPT Lê Quý Đôn		Nhì	Toán 12	75
316	T12.329	Trần Ngọc	Phương	X	12A18	TP.HCM	4	12	2003	THPT Hùng Vương		Nhì	Toán 12	76
317	T12.335	Ngô Minh	Quang		12A2	TP.HCM	27	4	2003	THPT Bình Tân		Nhì	Toán 12	77
318	T12.336	Nguyễn Lê Hữu	Quang		12A13	Quảng Ngãi	22	12	2003	THPT Tân Bình		Nhì	Toán 12	78
319	T12.343	Nguyễn Thị	Quý	X	12A1	TP.HCM	20	10	2003	THPT Nguyễn Trãi		Nhì	Toán 12	79
320	T12.363	Trần Anh	Tài		12A1	TP.HCM	25	5	2003	THPT Giồng Ông Tố		Nhì	Toán 12	80
321	T12.374	Tsàn Quý	Thành		12A12	TP.HCM	22	5	2003	THPT Trần Quang Khải		Nhì	Toán 12	81
322	T12.409	Nguyễn Minh	Toàn		12A2	TP.HCM	10	11	2003	THPT Tây Thạnh		Nhì	Toán 12	82
323	T12.415	Trần Ngọc Bảo	Trần	X	12A8	TP.HCM	5	8	2003	THPT Trưng Vương		Nhì	Toán 12	83
324	T12.423	Trần Thúc Minh	Trí		12 TIN	TP.HCM	17	6	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Toán 12	84
325	T12.434	Phạm Minh	Tú	X	12A8	TP.HCM	13	6	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Nhì	Toán 12	85
326	T12.437	Nguyễn Hà Hoàng	Tuấn		12A1	TP.HCM	4	11	2003	THPT Trung Lập		Nhì	Toán 12	86
327	T12.455	Trần Quang	Vĩ		12A1	TP.HCM	30	10	2003	THPT Bình Tân		Nhì	Toán 12	87
328	T12.460	Võ Quang	Vinh		12TN1	Bình Dương	14	10	2003	THPT Trung Phú		Nhì	Toán 12	88
329	T12.093	Ngô Võ Thùy	Dương	X	12A10	TP.HCM	23	6	2003	THPT Bình Chánh		Nhì	Toán 12	89
330	T12.094	Trương Thị Thùy	Dương	X	12A11	TP.HCM	30	5	2003	THPT Phan Đăng Lưu		Nhì	Toán 12	90
331	T12.108	Hoàng Bảo	Hân	X	12A15	TP.HCM	18	11	2003	THPT Nguyễn Tất Thành		Nhì	Toán 12	91
332	T12.109	Lê Ngọc Gia	Hân	X	12A13	TP.HCM	1	7	2003	THPT Tân Bình		Nhì	Toán 12	92
333	T12.310	Trần Phước	Phú		12A2	TP.HCM	21	6	2003	THPT Trưng Vương		Nhì	Toán 12	93
334	T12.401	Trần Minh	Tiến		12CA3	TP.HCM	30	4	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Toán 12	94
335	T12.004	Lê Quốc	An		12A9	TP.HCM	1	2	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Nhì	Toán 12	95
336	T12.005	Ngô Trường	An		12A01	TP.HCM	3	10	2003	THPT Marie Curie		Ba	Toán 12	1
337	T12.007	Phạm Nguyễn Dân	An		12T3	Đồng Nai	28	12	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Toán 12	2
338	T12.018	Nguyễn Minh	Anh	X	12A22	TP.HCM	19	7	2003	THPT Hùng Vương		Ba	Toán 12	3
339	T12.019	Nguyễn Quốc Quỳnh	Anh	X	12A3	TP.HCM	1	4	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Toán 12	4
340	T12.024	Trần Mai	Anh	X	12A04	TP.HCM	18	11	2003	THPT Trần Phú		Ba	Toán 12	5
341	T12.031	Kha Minh	Bảo		12A3	TP.HCM	17	8	2003	THPT Hùng Vương		Ba	Toán 12	6
342	T12.033	Lâm Gia	Bảo	X	12B2	TP.HCM	15	8	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Toán 12	7
343	T12.036	Nguyễn Hữu	Bảo		11A1	TP.HCM	30	6	2004	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Toán 12	8
344	T12.057	Vũ Duy	Đại		12A1	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	6	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Toán 12	9
345	T12.062	Tô Hữu	Đăng		12A14	TP.HCM	25	12	2003	THPT Tạ Quang Bửu		Ba	Toán 12	10
346	T12.068	Ngô Huỳnh Minh	Đạt		12A06	TP.HCM	18	11	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Toán 12	11
347	T12.070	Nguyễn Tiến	Đạt		12A02	TP.HCM	9	11	2003	THPT Nguyễn Văn Cừ		Ba	Toán 12	12
348	T12.072	Trương Tấn	Đạt		12A05	TP.HCM	1	8	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Toán 12	13
349	T12.074	Phạm Nguyễn Ngọc	Diễm	X	12CT	TP.HCM	24	12	2003	THPT Gia Định		Ba	Toán 12	14
350	T12.075	Nguyễn An Trần	Diễn		12A2	Bình Định	28	10	2003	THPT Tam Phú		Ba	Toán 12	15
351	T12.078	Hoàng Sỹ	Đông		12A2	Bắc Ninh	21	10	2003	THPT Bình Tân		Ba	Toán 12	16
352	T12.080	Trần Mẫn	Du	X	12A2	TP.HCM	6	5	2003	THPT Nam Sài Gòn		Ba	Toán 12	17
353	T12.084	Hoàng	Đức		12G	TP.HCM	23	7	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Toán 12	18
354	T12.089	Vũ Nguyễn Minh	Đức		12A14	TP.HCM	14	10	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Toán 12	19

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
355	T12.101	Nguyễn Trà	Giang	X	12A1	TP.HCM	1	1	2003	THPT Tân Thông Hội		Ba	Toán 12	20
356	T12.103	Nguyễn Đoàn Nhật	Hà	X	12A12	TP.HCM	12	9	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Toán 12	21
357	T12.124	Ninh Song	Hiệp		12A3	TP.HCM	11	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Toán 12	22
358	T12.127	Hoàng Xuân	Hiếu		12CT	TP.HCM	21	4	2003	THPT Gia Định		Ba	Toán 12	23
359	T12.130	Nguyễn Trung	Hiếu		12A6	TP.HCM	11	7	2003	THPT Nguyễn Du		Ba	Toán 12	24
360	T12.151	Mạc Tấn	Hưng		12A2	TP.HCM	25	2	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Ba	Toán 12	25
361	T12.155	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	X	12A3	Đồng Nai	4	7	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Toán 12	26
362	T12.162	Ngô Gia	Huy		12D4	TP.HCM	12	5	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Toán 12	27
363	T12.164	Nguyễn Hữu Minh	Huy		12T3	TP.HCM	18	11	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Toán 12	28
364	T12.169	Nguyễn Vũ Quang	Huy		12A1	TP.HCM	3	11	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Ba	Toán 12	29
365	T12.173	Vũ Nguyễn Minh	Huy		12A1	TP.HCM	14	11	2003	THPT Nguyễn An Ninh		Ba	Toán 12	30
366	T12.178	Nguyễn Hoàng	Kha		12A2	TP.HCM	5	8	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Toán 12	31
367	T12.184	Nguyễn Nhật	Khanh		12A14	TP.HCM	8	11	2003	THPT Tân Bình		Ba	Toán 12	32
368	T12.186	Hà Minh	Khánh		12A8	TP.HCM	29	11	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Toán 12	33
369	T12.199	Phạm Trần Xuân	Khôi		12A1	TP.HCM	19	11	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Toán 12	34
370	T12.205	Nguyễn Anh	Kiệt		12A02	TP.HCM	6	6	2003	THPT Nguyễn Văn Cừ		Ba	Toán 12	35
371	T12.209	Võ Anh	Kiệt		12A1	TP.HCM	22	2	2003	THPT Lê Minh Xuân		Ba	Toán 12	36
372	T12.221	Hứa Thị Thuỳ	Linh	X	12A1	TP.HCM	14	2	2003	THPT Ten Lơ Man		Ba	Toán 12	37
373	T12.228	Lê Thanh	Long		12A15	TP.HCM	2	10	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Toán 12	38
374	T12.234	Võ Thành	Luân		12A09	An Giang	23	4	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Toán 12	39
375	T12.235	Nguyễn Minh	Luật		12A14	Bình Thuận	26	3	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Toán 12	40
376	T12.241	Nguyễn Nhật	Minh		12A6	TP.HCM	26	9	2002	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Toán 12	41
377	T12.265	Nguyễn Phương	Ngân	X	12A1	TP.HCM	4	11	2003	THPT Phước Long		Ba	Toán 12	42
378	T12.295	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	X	12A1	Lâm Đồng	2	11	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Toán 12	43
379	T12.300	Nguyễn Dương Thảo	Ny	X	12A4	TP.HCM	7	3	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Toán 12	44
380	T12.307	Đặng Ngọc	Phú		12A4	TP.HCM	21	11	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Toán 12	45
381	T12.316	Lê Trọng	Phúc		12A1	TP.HCM	27	12	2003	THPT An Nhơn Tây		Ba	Toán 12	46
382	T12.317	Ngô Hoàng	Phúc		12A10	TP.HCM	11	11	2003	THPT Tạ Quang Bửu		Ba	Toán 12	47
383	T12.318	Nguyễn Chí Hồng	Phúc		12A4	TP.HCM	5	3	2003	THPT Giồng Ông Tố		Ba	Toán 12	48
384	T12.319	Nguyễn Hồng	Phúc		12A1	TP.HCM	25	12	2003	THPT Nguyễn Hữu Thọ		Ba	Toán 12	49
385	T12.333	Nguyễn Minh	Quân		12A1	Bà Rịa - Vũng Tàu	22	10	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Toán 12	50
386	T12.473	Võ Thành	Đạt	0	12A5	Sóc Trăng	30	10	2002	THCS-THPT Hồng Hà		Ba	Toán 12	51
387	T12.341	Cao Hữu	Quốc		12A05	TP.HCM	19	6	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Ba	Toán 12	52
388	T12.348	Hà Nguyễn Phương	Quỳnh	X	12A5	TP.HCM	18	5	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Toán 12	53
389	T12.349	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	X	12A10	TP.HCM	6	7	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Toán 12	54
390	T12.356	Khru Thành	Tài		12CT	TP.HCM	20	3	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Toán 12	55
391	T12.360	Nguyễn Thành	Tài		11B05	TP.HCM	16	2	2004	THPT Trần Phú		Ba	Toán 12	56
392	T12.377	Trần Thị Phương	Thảo	X	12A1	Bình Dương	20	7	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Toán 12	57
393	T12.378	Nguyễn Bá	Thiện		12A11	TP.HCM	24	1	2003	THPT Phú Nhuận		Ba	Toán 12	58
394	T12.386	Đinh Ngọc	Thư	X	12A9	TP.HCM	25	9	2003	THPT Ten Lơ Man		Ba	Toán 12	59
395	T12.388	Hồ Nguyễn Minh	Thư	X	12A16	TP.HCM	31	5	2003	THPT Phú Nhuận		Ba	Toán 12	60
396	T12.395	Huỳnh Nguyễn Uyên	Thy	X	12A5	TP.HCM	24	1	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Toán 12	61
397	T12.476	Nguyễn Thùy	Trang	0	12A5	Kiên Giang	23	4	2003	THCS-THPT Hồng Hà		Ba	Toán 12	62
398	T12.403	Phan Văn	Tiền		12A8	Tiền Giang	19	4	2003	THPT Nguyễn An Ninh		Ba	Toán 12	63
399	T12.408	Lê Xuân	Toàn		12A5	Ninh Bình	22	12	2003	THPT Ngô Gia Tự		Ba	Toán 12	64
400	T12.410	Trương Thanh	Toàn		12A18	TP.HCM	28	5	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Ba	Toán 12	65
401	T12.414	Nguyễn Trịnh Tổ	Trân	X	12A1	Quảng Nam	25	3	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Toán 12	66
402	T12.428	Nguyễn Mạnh	Trung		12A7	Cần Thơ	1	3	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Toán 12	67
403	T12.446	Huỳnh Công	Tường		12A1	TP.HCM	22	5	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Toán 12	68
404	T12.463	Huỳnh Lê Thảo	Vy	X	12A4	TP.HCM	8	5	2003	THPT Bình Chánh		Ba	Toán 12	69
405	T12.464	Lê Nguyễn Tường	Vy	X	12A1	TP.HCM	22	6	2003	THPT An Nhơn Tây		Ba	Toán 12	70

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
406	T12.468	Phan Huỳnh Như	Ý	X	12NT	Bến Tre	30	4	2003	Song ngữ Quốc tế Horizon		Ba	Toán 12	71
407	T12.042	La Văn	Bình		12A1	TP.HCM	16	2	2003	THPT Phước Long		Ba	Toán 12	72
408	T12.076	Nguyễn Thái	Điền		12A07	Tiền Giang	1	3	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Ba	Toán 12	73
409	T12.091	Nguyễn Tấn	Dũng		12T7	Bình Định	26	7	2003	THPT Đa Phước		Ba	Toán 12	74
410	T12.110	Nguyễn Phương Bảo	Hân	X	12A1	TP.HCM	23	8	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Toán 12	75
411	T12.143	Trần Đăng	Hoàng		12D1	TP.HCM	19	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Toán 12	76
412	T12.203	Trần Việt An	Khương		12A4	TP.HCM	13	10	2003	THPT Bình Chánh		Ba	Toán 12	77
413	T12.287	Nguyễn Ngọc Ý	Nhi	X	12A2	TP.HCM	30	8	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Toán 12	78
414	T12.436	Hồ Hữu	Tuấn		12A5	TP.HCM	5	6	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Ba	Toán 12	79
415	T12.001	Bùi Ngọc	An		12A01	TP.HCM	15	2	2003	THPT Nguyễn Văn Cừ		Ba	Toán 12	80
416	T12.020	Nguyễn Vũ Phương	Anh	X	12A14	TP.HCM	27	1	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Toán 12	81
417	T12.027	Lê Thị Hồng	Ánh	X	12A6	Long An	26	3	2003	THPT Gò Vấp		Ba	Toán 12	82
418	T12.028	Trần Minh Ngọc	Ánh	X	12A9	TP.HCM	1	8	2003	THPT Nguyễn An Ninh		Ba	Toán 12	83
419	T12.030	Châu Gia	Bảo		12A10	TP.HCM	15	11	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Toán 12	84
420	T12.032	Kim Gia	Bảo		12A3	Vĩnh Long	6	12	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Toán 12	85
421	T12.038	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo		12A13	TP.HCM	8	10	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Toán 12	86
422	T12.049	Lê Hoàng Quế	Chi	X	12A1	TP.HCM	14	9	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Toán 12	87
423	T12.059	Nguyễn Minh	Đăng		12A15	TP.HCM	3	4	2003	THPT Tạ Quang Bửu		Ba	Toán 12	88
424	T12.087	Nguyễn Minh	Đức		12A14	TP.HCM	3	8	2003	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa		Ba	Toán 12	89
425	T12.092	Nguyễn Văn	Dũng		12H	TP.HCM	7	9	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Toán 12	90
426	T12.100	Huỳnh Thị Thanh	Duyên	X	12A18	TP.HCM	1	4	2003	THPT Trần Quang Khải		Ba	Toán 12	91
427	T12.104	Đỗ Hồ	Hải		12T1	TP.HCM	19	8	2003	THPT Đa Phước		Ba	Toán 12	92
428	T12.114	Huỳnh Thanh	Hạnh	X	12A07	TP.HCM	21	5	2003	THPT Phan Đăng Lưu		Ba	Toán 12	93
429	T12.119	Đỗ Ngọc	Hiền	X	12A3	Lâm Đồng	21	10	2003	THPT Tân Túc		Ba	Toán 12	94
430	T12.122	Nguyễn Như	Hiền	X	12A22	TP.HCM	21	10	2003	THPT Hùng Vương		Ba	Toán 12	95
431	T12.125	Dương Minh	Hiếu		12A2	TP.HCM	14	12	2003	THPT Tam Phú		Ba	Toán 12	96
432	T12.129	Nguyễn Đình	Hiếu		12A06	TP.HCM	3	4	2003	THPT Bình Phú		Ba	Toán 12	97
433	T12.140	Phạm Bảo	Hoàng		12A3	TP.HCM	3	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Toán 12	98
434	T12.147	Kiều Nguyễn Việt	Hùng		12A3	TP.HCM	30	6	2003	THPT Tân Túc		Ba	Toán 12	99
435	T12.188	Nguyễn Lê Quốc	Khánh		12TN1	TP.HCM	13	3	2003	THPT Trung Phú		Ba	Toán 12	100
436	T12.198	Nguyễn Đình Anh	Khôi		12C15	TP.HCM	4	10	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Toán 12	101
437	T12.201	Đoàn An	Khương		12A1	TP.HCM	23	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Thọ		Ba	Toán 12	102
438	T12.226	Trần Vạn Thanh	Lộc		12A2	TP.HCM	14	3	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Ba	Toán 12	103
439	T12.236	Đình Anh	Minh		12A2	TP.HCM	12	9	2003	THPT Gò Vấp		Ba	Toán 12	104
440	T12.239	Nguyễn Đức Nhật	Minh		12CT	TP.HCM	23	12	2003	THPT Gia Định		Ba	Toán 12	105
441	T12.243	Nguyễn Vũ Anh	Minh		12A05	Cần Thơ	21	11	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Toán 12	106
442	T12.255	Phan Phước Hải	Nam		12A02	Quảng Nam	13	3	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Toán 12	107
443	T12.256	Võ Hoài	Nam		12A01	TP.HCM	3	10	2003	THPT Nguyễn Văn Cừ		Ba	Toán 12	108
444	T12.260	Hàng Uyển	Ngân	X	12A06	TP.HCM	18	5	2003	THPT Nguyễn Hiền		Ba	Toán 12	109
445	T12.263	Ngô Thảo	Ngân	X	12A01	TP.HCM	4	2	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Toán 12	110
446	T12.290	Nguyễn Yến	Nhi	X	12A1	TP.HCM	7	11	2003	THPT Nguyễn An Ninh		Ba	Toán 12	111
447	T12.299	Trần Thị Hồng	Nhung	X	12A02	Quảng Ngãi	26	3	2003	THPT Thanh Đa		Ba	Toán 12	112
448	T12.311	Trần Quốc	Phú		12A9	TP.HCM	24	10	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Toán 12	113
449	T12.312	Đình Hoàng	Phúc		12CT	Bà Rịa - Vũng Tàu	22	12	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Ba	Toán 12	114
450	T12.324	Nguyễn Hoàng Hồng	Phụng	X	12A6	TP.HCM	21	8	2003	THPT Nguyễn Du		Ba	Toán 12	115
451	T12.347	Đỗ Phương	Quỳnh	X	12A1	TP.HCM	26	4	2003	THPT NK TDTT Huyện Bình Chánh		Ba	Toán 12	116
452	T12.351	Trịnh Minh	Sang		12A1	TP.HCM	20	11	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Toán 12	117
453	T12.368	La Đức	Thắng		12A2	TP.HCM	19	7	2003	THPT Bình Hưng Hòa		Ba	Toán 12	118
454	T12.373	Nguyễn Tấn	Thành		12G	Nha Trang	20	4	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Toán 12	119
455	T12.376	Nguyễn Thị Thu	Thảo	X	12A1	TP.HCM	28	10	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Toán 12	120
456	T12.379	Nguyễn Minh	Thiện		12A1	TP.HCM	27	8	2003	THPT Trung Lập		Ba	Toán 12	121

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
457	T12.382	Nguyễn Đức	Thịnh		12A5	TP.HCM	15	10	2003	THPT Nguyễn Du		Ba	Toán 12	122
458	T12.387	Đỗ Anh	Thư	X	12A3	TP.HCM	4	7	2003	THPT Long Thới		Ba	Toán 12	123
459	T12.390	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	X	12A4	Gia Lai	31	12	2003	THPT Giồng Ông Tố		Ba	Toán 12	124
460	T12.392	Bùi Nguyễn Hữu	Thuận		12A11	TP.HCM	16	4	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Toán 12	125
461	T12.399	Lý Thành	Tiến		12A3	TP.HCM	21	7	2003	THPT Tân Túc		Ba	Toán 12	126
462	T12.422	Trần Anh	Trí		12A1	TP.HCM	12	11	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Toán 12	127
463	T12.429	Nguyễn Quý	Trung		12A1	TP.HCM	10	6	2003	THPT Tam Phú		Ba	Toán 12	128
464	T12.430	Phan Thành	Trung		12a11	Bình Dương	17	9	2003	THPT Dương Văn Dương		Ba	Toán 12	129
465	T12.432	Nguyễn Thảo Cẩm	Tú	X	12A3	TP.HCM	3	7	2003	THPT Nguyễn Văn Tăng		Ba	Toán 12	130
466	T12.435	Quách Tuấn	Tú		12A1	TP.HCM	25	6	2003	THPT Gò Vấp		Ba	Toán 12	131
467	T12.438	Nguyễn Hoàng	Tuấn		12A8	TP.HCM	6	1	2003	THPT Nguyễn Trãi		Ba	Toán 12	132
468	T12.441	Tôn Thất	Tuấn	X	12A05	TP.HCM	2	6	2000	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Toán 12	133
469	T12.443	Hồ Công	Tùng	X	12A2	Bình Phước	17	1	2003	THPT Cần Thạnh		Ba	Toán 12	134
470	T12.444	La Văn	Tùng		12A2	Thừa Thiên Huế	14	5	2003	THPT Lê Minh Xuân		Ba	Toán 12	135
471	T12.450	Nguyễn Võ Phương	Uyên	X	12T1	TP.HCM	27	4	2003	THPT Đa Phước		Ba	Toán 12	136
472	T12.453	Ngô Ngọc Tường	Vi	X	12C5	TP.HCM	21	11	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Toán 12	137
473	T12.454	Đặng Lợi	Vĩ		12A6	TP.HCM	22	11	2003	THPT Cần Thạnh		Ba	Toán 12	138
474	T12.458	Bùi Mai Hữu	Vinh		12A02	TP.HCM	23	8	2003	THPT Marie Curie		Ba	Toán 12	139
475	T12.466	Phạm Trương Hoàng	Vy	X	12A02	TP.HCM	4	3	2003	THPT Thanh Đa		Ba	Toán 12	140
476	T12.467	Hà Trần Thiên	Ý	X	12A6	Gia Lai	4	6	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Toán 12	141
477	T12.457	Nguyễn Hoàng	Việt		12A7	TP.HCM	15	10	2003	THPT Nguyễn Hữu Thọ		Ba	Toán 12	142
478	H12.190	Nguyễn Đăng	Nghĩa		12 HÓA	TP.HCM	23	8	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Hóa 12	1
479	H12.078	Võ Đức Hồng	Hải		12A13	TP.HCM	12	8	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Nhất	Hóa 12	2
480	H12.021	Lê Minh	Bảo		12A4	TP.HCM	11	11	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Hóa 12	3
481	H12.036	Võ Việt	Cường		12A03	Bình Dương	28	10	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Hóa 12	4
482	H12.203	Trần Nguyễn Minh	Nhật		12A12	TP.HCM	24	1	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Hóa 12	5
483	H12.280	Bành Tân	Thuận		12CH	TP.HCM	14	3	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Hóa 12	6
484	H12.085	Nguyễn Thu	Hiền	X	12CH	TP.HCM	2	1	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Hóa 12	7
485	H12.287	Nguyễn Minh	Tiến		12CH	TP.HCM	22	11	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Hóa 12	8
486	H12.290	Nguyễn Trung	Tín		12A06	TP.HCM	30	9	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Hóa 12	9
487	H12.317	Phạm Nhật Minh	Tú		12CH1	TP.HCM	30	6	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Hóa 12	10
488	H12.090	Phạm Thế	Hiếu		12C15	TP.HCM	14	2	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhất	Hóa 12	11
489	H12.106	Đặng Minh	Huy		12CH1	TP.HCM	24	1	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Hóa 12	12
490	H12.060	Vương Kiến	Đức		12CH2	TP.HCM	9	3	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Hóa 12	13
491	H12.082	Lâm Vĩ	Hào		12A03	Bạc Liêu	10	6	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhất	Hóa 12	14
492	H12.251	Nguyễn Tuấn	Tài		12A17	TP.HCM	25	6	2003	THPT Phú Nhuận		Nhất	Hóa 12	15
493	H12.204	Bùi Ngọc	Nhi	X	12 HÓA	TP.HCM	8	4	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Hóa 12	16
494	H12.004	Châu Ngọc Trâm	Anh	X	12CH	Long An	15	5	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Hóa 12	17
495	H12.217	Lý Vĩ	Phong		12A03	TP.HCM	28	4	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhất	Hóa 12	18
496	H12.111	Huỳnh Võ	Huy		12 HÓA	TP.HCM	9	12	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Hóa 12	19
497	H12.119	Nguyễn Thanh	Huy		12A03	TP.HCM	30	9	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Hóa 12	20
498	H12.273	Trương Sanh Gia	Thịnh		12CH	TP.HCM	27	10	2003	THPT Nguyễn Thương Hiền		Nhất	Hóa 12	21
499	H12.274	Hồ Minh Trường	Thọ		12A4	TP.HCM	21	10	2003	THPT An Nghĩa		Nhất	Hóa 12	22
500	H12.161	Võ Văn	Luân		12CH1	TP.HCM	29	11	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Hóa 12	23
501	H12.227	Thái Nguyễn	Phúc		12B08	TP.HCM	15	8	2003	THPT Nguyễn Hiền		Nhất	Hóa 12	24
502	H12.084	Nguyễn Trần Trung	Hậu		12TN1	TP.HCM	9	7	2003	THPT Trung Phú		Nhất	Hóa 12	25
503	H12.184	Thái Dương Phương	Nam		12CH	TP.HCM	3	11	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhất	Hóa 12	26
504	H12.213	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	X	12TN1	Bình Dương	30	5	2003	THPT Trung Phú		Nhất	Hóa 12	27
505	H12.248	Nguyễn Anh	Quỳnh	X	12P	Bình Phước	8	12	2003	THPT Ngô Quyền		Nhất	Hóa 12	28
506	H12.249	Phan Thanh	Sang		12CH	TP.HCM	28	1	2003	THPT Gia Định		Nhất	Hóa 12	29
507	H12.302	Nguyễn Thị Thu	Trang	X	12A06	Kon Tum	6	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Nhất	Hóa 12	30

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
508	H12.095	Đặng Huy	Hoàng		12T3	Bình Dương	6	12	2003	THPT An Dương Vương		Nhất	Hóa 12	31
509	H12.148	Đinh Thanh Huyền	Linh	X	12CH	TP.HCM	20	12	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Hóa 12	32
510	H12.152	Trần Đỗ Phương	Linh	X	12A07	TP.HCM	25	7	2003	THPT Phú Nhuận		Nhất	Hóa 12	33
511	H12.043	Bùi Trần Tiến	Đạt		12A20	Quảng Ngãi	24	10	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhất	Hóa 12	34
512	H12.057	Trần Hải Dương	Đông		12A1	TP.HCM	31	8	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Nhất	Hóa 12	35
513	H12.208	Nguyễn Đông Phương	Nhu	X	12A8	TP.HCM	9	11	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhì	Hóa 12	1
514	H12.209	Hồ Phương	Như	X	12TN1	TP.HCM	14	8	2003	THPT Trung Phú		Nhì	Hóa 12	2
515	H12.244	Trương Minh Ngọc	Quý		12A1	Đồng Tháp	1	9	2003	THPT Lương Thế Vinh		Nhì	Hóa 12	3
516	H12.116	Nguyễn Đức	Huy		12CH	TP.HCM	26	10	2003	THPT Gia Định		Nhì	Hóa 12	4
517	H12.151	Nguyễn Mai Khánh	Linh	X	12CH	TP.HCM	30	4	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Hóa 12	5
518	H12.189	Nguyễn Vĩnh	Nghi		12G	TP.HCM	21	12	2003	THPT Ngô Quyền		Nhì	Hóa 12	6
519	H12.261	Kiều Công	Thành		12A03	TP.HCM	13	2	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Hóa 12	7
520	H12.173	Phạm Võ Quang	Minh		12 HÓA	TP.HCM	26	11	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Hóa 12	8
521	H12.175	Trần Tuấn	Minh		12CH1	TP.HCM	24	8	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Hóa 12	9
522	H12.121	Trương Quốc	Huy		12A1	TP.HCM	24	2	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhì	Hóa 12	10
523	H12.134	Lê Thị Kim	Khánh	X	12CH2	TP.HCM	12	12	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Hóa 12	11
524	H12.039	Huỳnh Phạm Thành	Danh		12A10	TP.HCM	9	5	2003	THPT Phú Nhuận		Nhì	Hóa 12	12
525	H12.186	Nguyễn Trần Bảo	Ngân	X	12CH	Bình Định	23	2	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Hóa 12	13
526	H12.224	Nguyễn Minh	Phúc		12A1	TP.HCM	29	10	2003	THPT Trung Lập		Nhì	Hóa 12	14
527	H12.321	Lâm Nguyễn Quang	Tuệ		12CH	TP.HCM	19	11	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhì	Hóa 12	15
528	H12.012	Nguyễn Trọng	Anh		12A03	TP.HCM	9	12	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Hóa 12	16
529	H12.063	Hoàng Minh	Duy		12A14	TP.HCM	26	7	2003	THPT Phú Nhuận		Nhì	Hóa 12	17
530	H12.075	Nguyễn Vũ Minh	Hà		12A3	Lâm Đồng	15	11	2003	THPT An Dương Vương		Nhì	Hóa 12	18
531	H12.169	Lê Đăng	Minh		12A1	Quảng Ngãi	17	11	2003	THPT Thủ Đức		Nhì	Hóa 12	19
532	H12.170	Nguyễn Huỳnh Nhật	Minh		12A9	TP.HCM	4	11	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhì	Hóa 12	20
533	H12.174	Trần Bảo	Minh		12A05	TP.HCM	24	11	2003	THPT Võ Thị Sáu		Nhì	Hóa 12	21
534	H12.177	Nguyễn Thị Trà	My	X	12C1	Liên Bang Nga	21	2	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhì	Hóa 12	22
535	H12.182	Lâm Kỳ	Nam		12CH	TP.HCM	31	8	2003	THPT Gia Định		Nhì	Hóa 12	23
536	H12.188	Mai Xuân	Nghi	X	12A05	TP.HCM	3	11	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Nhì	Hóa 12	24
537	H12.200	Tô Xuân	Nhân		12A02	Quy Nhơn	25	7	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Hóa 12	25
538	H12.221	Lê Nguyễn Minh	Phúc		12A2	TP.HCM	26	9	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhì	Hóa 12	26
539	H12.223	Nguyễn Hoàng	Phúc		12B1	TP.HCM	6	4	2003	THPT Lê Quý Đôn		Nhì	Hóa 12	27
540	H12.232	Lý Thế	Phụng		12A1	TP.HCM	25	4	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Hóa 12	28
541	H12.233	Đào Thị Thu	Phương	X	12A1	Thừa Thiên Huế	13	4	2003	THPT Trần Văn Giàu		Nhì	Hóa 12	29
542	H12.235	Nguyễn Hoàng Minh	Phương		12A10	Long An	6	1	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Nhì	Hóa 12	30
543	H12.269	Nguyễn Ngọc	Thiện		12A2	TP.HCM	18	12	2003	THPT Tam Phú		Nhì	Hóa 12	31
544	H12.271	Lê Phúc	Thịnh		12A4	TP.HCM	17	10	2003	THPT An Nghĩa		Nhì	Hóa 12	32
545	H12.275	Huỳnh Lê Ngọc	Thông		12CH	Quảng Ngãi	24	9	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Hóa 12	33
546	H12.284	Đỗ Hoàng Anh	Thy	X	12A17	TP.HCM	15	1	2003	THPT Phú Nhuận		Nhì	Hóa 12	34
547	H12.285	Thái Hồng Thùy	Tiên	X	12A4	TP.HCM	1	11	2003	THPT Bình Chánh		Nhì	Hóa 12	35
548	H12.295	Đoàn Trương Thanh	Tịnh		12A05	TP.HCM	21	7	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Hóa 12	36
549	H12.298	Nguyễn Ngọc	Trần	X	12A4	TP.HCM	8	5	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Hóa 12	37
550	H12.299	Hoàng Thanh	Trang	X	12A5	Ninh Bình	13	12	2003	THPT Trưng Vương		Nhì	Hóa 12	38
551	H12.087	Nguyễn Minh	Hiếu		12T3	Đồng Nai	24	10	2003	THPT An Dương Vương		Nhì	Hóa 12	39
552	H12.094	Phạm Thanh	Hòa		12A1	TP.HCM	25	5	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhì	Hóa 12	40
553	H12.097	Nguyễn Minh	Hoàng		12 HÓA	Đồng Nai	23	8	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Hóa 12	41
554	H12.109	Hoàng Lê Gia	Huy		12A1	TP.HCM	26	11	2003	THPT Lương Thế Vinh		Nhì	Hóa 12	42
555	H12.110	Huỳnh Hữu	Huy		12B1	TP.HCM	4	12	2003	THPT Lê Quý Đôn		Nhì	Hóa 12	43
556	H12.114	Lê Quốc	Huy		12CH	TP.HCM	20	1	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Hóa 12	44
557	H12.128	Hà Minh	Khang		12A1	TP.HCM	3	12	2003	THPT An Nhơn Tây		Nhì	Hóa 12	45
558	H12.130	Lê Nguyễn Bảo	Khang		12T3	Đồng Nai	9	6	2003	THPT An Dương Vương		Nhì	Hóa 12	46

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
559	H12.136	Phạm Quốc	Khánh		12A1	TP.HCM	14	1	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhì	Hóa 12	47
560	H12.137	Đỗ Nguyễn Anh	Khoa		12CH	TP.HCM	8	8	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Hóa 12	48
561	H12.157	Ngô Nhựt	Long		12A1	TP.HCM	13	10	2003	THPT Tây Thạnh		Nhì	Hóa 12	49
562	H12.006	Hoàng Phương	Anh	X	12 HÓA	Nghệ An	11	2	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Hóa 12	50
563	H12.014	Phạm Nguyễn Tuấn	Anh		12CH	TP.HCM	31	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Hóa 12	51
564	H12.019	Đoàn Quốc	Bảo		12C1	Tiền Giang	21	2	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhì	Hóa 12	52
565	H12.027	Trần Đình Thanh	Bình		12A12	Thừa Thiên Huế	18	5	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Hóa 12	53
566	H12.029	Dương Minh	Châu		12A13	TP.HCM	9	10	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Nhì	Hóa 12	54
567	H12.045	Đỗ Đăng Thành	Đạt		12A14	TP.HCM	21	12	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Hóa 12	55
568	H12.049	Nguyễn Tấn	Đạt		12A03	TP.HCM	8	12	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Hóa 12	56
569	H12.062	Đào Đình	Duy		12A06	TP.HCM	21	8	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Hóa 12	57
570	H12.342	Nguyễn Trần Như	Ý	X	12A4	TP.HCM	20	4	2003	THPT An Nghĩa		Nhì	Hóa 12	58
571	H12.201	Võ Thị	Nhân	X	12A2	TP.HCM	24	9	2003	THPT Tam Phú		Nhì	Hóa 12	59
572	H12.214	Cao Thành	Phát		12A1	TP.HCM	26	10	2003	THPT Trần Văn Giàu		Nhì	Hóa 12	60
573	H12.239	Vũ Ngọc	Phượng	X	12A15	TP.HCM	1	10	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhì	Hóa 12	61
574	H12.257	Trần Đình	Tân		12A12	TP.HCM	1	5	2003	THPT Marie Curie		Nhì	Hóa 12	62
575	H12.086	Đỗ Chi	Hiếu		12A4	TP.HCM	21	11	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhì	Hóa 12	63
576	H12.115	Nguyễn Cảnh	Huy		12A10	TP.HCM	4	8	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Nhì	Hóa 12	64
577	H12.131	Nguyễn Vũ	Khang		12CH1	TP.HCM	3	6	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Hóa 12	65
578	H12.132	Phan Huỳnh Duy	Khang		12A1	Bến Tre	22	10	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhì	Hóa 12	66
579	H12.001	Huỳnh Lê Quốc	An		12T1	TP.HCM	16	11	2003	THPT Đa Phước		Nhì	Hóa 12	67
580	H12.048	Nguyễn Phát	Đạt		12A12	Đồng Tháp	11	8	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Hóa 12	68
581	H12.142	Huỳnh Tuấn	Kiệt		12CH	TP.HCM	20	5	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Ba	Hóa 12	1
582	H12.032	Đậu Nguyễn	Cường		12CH1	TP.HCM	5	5	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Ba	Hóa 12	2
583	H12.037	Phan Bình Minh	Đại		12A09	TP.HCM	20	11	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Ba	Hóa 12	3
584	H12.199	Nguyễn Viết Thành	Nhân		12A5	TP.HCM	14	11	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Hóa 12	4
585	H12.207	Trương Nguyễn Kim Ngọc	Nhì	X	12A4	An Giang	23	2	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Ba	Hóa 12	5
586	H12.234	Hồ Hồng	Phượng	X	12CH	TP.HCM	4	2	2003	THPT Gia Định		Ba	Hóa 12	6
587	H12.262	Nguyễn Quốc	Thành		12A2	TP.HCM	16	4	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Hóa 12	7
588	H12.305	Phan Thị Mỹ	Trình	X	12A12	Quảng Ngãi	2	9	2003	THPT Trần Phú		Ba	Hóa 12	8
589	H12.308	Đặng Thị Thanh	Trúc	X	12A10	Thái Bình	23	7	2003	THPT Phạm Văn Sáng		Ba	Hóa 12	9
590	H12.005	Đỗ Võ Phương	Anh	X	12A7	TP.HCM	4	6	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Ba	Hóa 12	10
591	H12.008	Mai Nguyễn Văn	Anh	X	12A1	TP.HCM	11	7	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Hóa 12	11
592	H12.023	Nguyễn Hoàng	Bảo		12TN1	TP.HCM	5	4	2003	THPT Trung Phú		Ba	Hóa 12	12
593	H12.025	Hồ Thanh	Bình		12TN1	Bình Dương	5	12	2003	THPT Trung Phú		Ba	Hóa 12	13
594	H12.334	Lê Trần Thiên	Vũ		12A5	TP.HCM	30	3	2003	THPT Cần Thạnh		Ba	Hóa 12	14
595	H12.253	Đỗ Thị Thanh	Tâm	X	12A01	TP.HCM	9	9	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Hóa 12	15
596	H12.098	Võ Dương	Hoàng		12A1	TP.HCM	15	1	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Hóa 12	16
597	H12.038	Lý Lâm Hải	Đặng		12A13	TP.HCM	19	1	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Hóa 12	17
598	H12.044	Đặng Đức	Đạt		12A1	Gia Lai	27	12	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Hóa 12	18
599	H12.050	Nguyễn Thành	Đạt		12C12	TP.HCM	12	12	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Hóa 12	19
600	H12.331	Hà Kiến	Vinh		12A2	TP.HCM	12	11	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Hóa 12	20
601	H12.069	Lưu Thị Mỹ	Duyên	X	12A2	TP.HCM	12	2	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Hóa 12	21
602	H12.073	Phan Thị Bích	Giang	X	12A1	TP.HCM	12	8	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Hóa 12	22
603	H12.181	Hoàng Trung	Nam		12A02	TP.HCM	17	10	2003	THPT Trần Phú		Ba	Hóa 12	23
604	H12.191	Nguyễn Trung	Nghĩa		12A11	TP.HCM	29	4	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Hóa 12	24
605	H12.202	Trần Minh	Nhật		12A2	TP.HCM	2	5	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Hóa 12	25
606	H12.272	Trần Gia	Thịnh		12A18	TP.HCM	15	5	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Ba	Hóa 12	26
607	H12.278	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	X	12T1	TP.HCM	29	6	2003	THPT Đa Phước		Ba	Hóa 12	27
608	H12.286	Ngô Văn	Tiến		12A1	TP.HCM	14	11	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Ba	Hóa 12	28
609	H12.288	Trần	Tiến		12A4	TP.HCM	29	3	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Ba	Hóa 12	29

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
610	H12.300	Nguyễn Ngọc	Trang	X	12A1	TP.HCM	6	6	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Hóa 12	30
611	H12.301	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	X	12A2	TP.HCM	30	7	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Hóa 12	31
612	H12.304	Trần Minh	Triết		12 HOA	TP.HCM	3	1	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Ba	Hóa 12	32
613	H12.306	Nguyễn Đức	Trọng		12CH	TP.HCM	2	1	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Ba	Hóa 12	33
614	H12.307	Thái Trần Bình	Trọng		12A1	TP.HCM	26	1	2003	THPT Trung Lập		Ba	Hóa 12	34
615	H12.145	Ôn Văn	Kiệt		12B08	TP.HCM	12	9	2003	THPT Nguyễn Hiền		Ba	Hóa 12	35
616	H12.015	Trần Công Lâm	Anh		12A01	TP.HCM	31	3	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Hóa 12	36
617	H12.016	Trịnh Đức	Anh		12A06	Thanh Hóa	19	5	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Ba	Hóa 12	37
618	H12.020	Huỳnh Tôn	Bảo		12A1	TP.HCM	29	11	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Ba	Hóa 12	38
619	H12.058	Lê Công	Đức	X	12A1	Bình Dương	12	8	2003	THPT Việt Âu		Ba	Hóa 12	39
620	H12.328	Huỳnh Ngọc Thanh	Vân	X	12CH	TP.HCM	29	4	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Hóa 12	40
621	H12.336	Hồ Ngọc Tường	Vy	X	12A02	TP.HCM	23	5	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Hóa 12	41
622	H12.341	Võ Thị Lan	Vy	X	12A3	TP.HCM	18	7	2003	THPT An Lạc		Ba	Hóa 12	42
623	H12.187	Trần Kim	Ngân	X	12CH	TP.HCM	15	6	2003	THPT Gia Định		Ba	Hóa 12	43
624	H12.194	Trần Bảo	Ngọc	X	12A5	TP.HCM	26	1	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Hóa 12	44
625	H12.139	Nguyễn Lê Đình	Khôi		12CH	TP.HCM	3	10	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Ba	Hóa 12	45
626	H12.162	Huỳnh Gia Cát	Lương		12A2	TP.HCM	17	4	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Hóa 12	46
627	H12.168	Huỳnh Nhật	Minh	X	12A5	TP.HCM	27	2	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Hóa 12	47
628	H12.240	Bùi Minh	Quân		12A11	TP.HCM	15	9	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Hóa 12	48
629	H12.329	Ngô Trần Bảo	Việt		12A1	Bình Định	17	4	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Hóa 12	49
630	H12.312	Nguyễn Đức	Trung		12A1	TP.HCM	19	3	2003	THPT Tân Thông Hội		Ba	Hóa 12	50
631	H12.091	Nguyễn Thái	Hoà		12A18	TP.HCM	15	11	2003	THPT Trần Quang Khải		Ba	Hóa 12	51
632	H12.067	Trần Văn	Duy		12A5	TP.HCM	3	5	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Ba	Hóa 12	52
633	H12.080	Lưu Thị Mỹ	Hạnh	X	12CT	TP.HCM	24	6	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Ba	Hóa 12	53
634	H12.265	Dương Công	Thảo	X	12A1	Thanh Hóa	6	8	2003	THPT Việt Âu		Ba	Hóa 12	54
635	H12.293	Tô Trọng	Tin		12B08	TP.HCM	28	9	2003	THPT Nguyễn Hiền		Ba	Hóa 12	55
636	H12.349	Tô Trọng	Nghĩa	0	12A1	TP.HCM	4	11	2003	THPT Trung Lập		Ba	Hóa 12	56
637	H12.096	Lâm Nguyễn Huy	Hoàng		12A2	TP.HCM	15	2	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Hóa 12	57
638	H12.140	Nguyễn Vĩnh Hoàng	Khôi		12C12	TP.HCM	20	1	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Hóa 12	58
639	H12.160	Trần Huỳnh	Long		12A1	Vĩnh Long	2	4	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Ba	Hóa 12	59
640	H12.009	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh		12CH	TP.HCM	15	7	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Ba	Hóa 12	60
641	H12.018	Đỗ Vũ	Bằng		12A3	Cần Thơ	13	2	2003	THPT Phạm Văn Sáng		Ba	Hóa 12	61
642	H12.040	Ngô Phúc	Danh		12A6	Quảng Ngãi	29	11	2003	THPT Tây Thạnh		Ba	Hóa 12	62
643	H12.042	Nguyễn Long	Danh		12A9	TP.HCM	14	4	2003	THPT Hiệp Bình		Ba	Hóa 12	63
644	H12.056	Nguyễn Sĩ	Đông		12A9	TP.HCM	14	1	2003	THPT Lê Thánh Tôn		Ba	Hóa 12	64
645	H12.325	Phạm Hồ Hoàng Phương	Uyên	X	12T2	TP.HCM	13	10	2003	THPT Đa Phước		Ba	Hóa 12	65
646	H12.330	Vũ Đức	Việt		12C15	TP.HCM	11	5	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Hóa 12	66
647	H12.333	Trần Thế	Vinh		12CH	TP.HCM	26	1	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Ba	Hóa 12	67
648	H12.163	Đinh Xuân	Mai	X	12A01	TP.HCM	22	3	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Hóa 12	68
649	H12.279	Trần Nguyễn Thanh	Thư	X	12T3	Đồng Nai	21	7	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Hóa 12	69
650	H12.310	Phan Nguyễn Thanh	Trúc	X	12A01	TP.HCM	1	10	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Hóa 12	70
651	H12.315	Nguyễn Văn	Trường		12A10	TP.HCM	4	2	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Ba	Hóa 12	71
652	H12.079	Thiệu Vũ Gia	Hân	X	12A06	TP.HCM	19	5	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Hóa 12	72
653	H12.198	Đặng Đức	Nhân		12A2	TP.HCM	2	5	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Hóa 12	73
654	H12.237	Nguyễn Xuân	Phương	X	12A13	TP.HCM	23	5	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Hóa 12	74
655	H12.117	Nguyễn Đức	Huy		12A01	TP.HCM	19	4	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Hóa 12	75
656	H12.010	Nguyễn Hữu Nam	Anh		12A3	TP.HCM	29	4	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Hóa 12	76
657	H12.031	Đặng Văn	Cường		12A4	TP.HCM	15	5	2003	THPT An Nghĩa		Ba	Hóa 12	77
658	H12.218	Nguyễn Thế	Phong	X	12A05	TP.HCM	17	12	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Hóa 12	78
659	H12.241	Lê Võ Anh	Quân		12A7	TP.HCM	15	10	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Hóa 12	79
660	H12.255	Bùi Nhật	Tân		12A10	Bình Thuận	6	8	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Hóa 12	80

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
661	H12.297	Lưu Huyền	Trâm	X	12A1	Bình Dương	24	7	2003	THPT Tam Phú		Ba	Hóa 12	81
662	H12.316	Nguyễn Hoàng	Tú		12A4	TP.HCM	9	9	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Hóa 12	82
663	H12.319	Thiều Quang Anh	Tuấn		12A3	Hà Tĩnh	7	7	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Ba	Hóa 12	83
664	H12.026	Phan Thái	Bình		12CH	TP.HCM	18	3	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Ba	Hóa 12	84
665	H12.337	Lê Ngọc Yến	Vy	X	12A1	TP.HCM	28	10	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Ba	Hóa 12	85
666	H12.179	Bùi Đỗ Phương	Nam		12A11	TP.HCM	12	11	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Hóa 12	86
667	H12.183	Lê Thành	Nam		12B08	TP.HCM	19	5	2003	THPT Nguyễn Hiền		Ba	Hóa 12	87
668	H12.196	Trần Khôi	Nguyễn		12A12	TP.HCM	21	1	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Hóa 12	88
669	H12.246	Lê Diễm	Quỳnh	X	12CH	Quảng Nam	15	12	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Hóa 12	89
670	H12.256	Nguyễn Nhật	Tân		12A3	TP.HCM	18	11	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Hóa 12	90
671	H12.267	Phạm Ngọc	Thế		12A7	Nam Định	22	10	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Hóa 12	91
672	H12.268	Thái Tuấn	Thiên		12A8	TP.HCM	8	3	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Ba	Hóa 12	92
673	H12.292	Phạm Trung	Tín		12G	TP.HCM	2	1	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Hóa 12	93
674	H12.089	Phạm Văn	Hiếu		12A9	TP.HCM	2	9	2002	THPT Lê Thánh Tôn		Ba	Hóa 12	94
675	H12.099	Trần Nguyễn Như	Huệ	X	12A10	TP.HCM	11	6	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Hóa 12	95
676	H12.100	Đoàn Sinh	Hùng		12A4	TP.HCM	9	4	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Hóa 12	96
677	H12.101	Nguyễn Văn	Hùng		12A15	Vĩnh Phúc	20	6	2003	THPT Bình Hưng Hòa		Ba	Hóa 12	97
678	H12.108	Hoàng Di Tuấn	Huy		12A1.1	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	6	2003	THPT Nhân Việt		Ba	Hóa 12	98
679	H12.112	Lê Giai	Huy		12A5	TP.HCM	11	7	2003	THPT Lương Văn Can		Ba	Hóa 12	99
680	H12.118	Nguyễn Sơn	Huy		12C1	Lâm Đồng	20	7	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Hóa 12	100
681	H12.133	Huỳnh Kim	Khánh	X	12A4	TP.HCM	21	12	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Hóa 12	101
682	H12.156	Trần Dắc	Lợi		12C15	TP.HCM	14	12	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Hóa 12	102
683	H12.348	Trần Phan Yến	Nhi	x	12A13	TP.HCM	22	11	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Ba	Hóa 12	103
684	L12.232	Nguyễn Trọng	Phúc		12A01	TP.HCM	17	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhất	Lý 12	1
685	L12.028	Ngô Quốc	Bình		12CL1	TP.HCM	3	12	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Lý 12	2
686	L12.120	Chung Minh Gia	Hy		12A3.1	TP.HCM	1	1	2003	THPT Gia Định		Nhất	Lý 12	3
687	L12.229	Mai Nguyễn Hoàng	Phúc		12A01	TP.HCM	1	4	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Nhất	Lý 12	4
688	L12.311	Phạm Quang	Tiến		12CL2	TP.HCM	28	11	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Lý 12	5
689	L12.338	Lê Xuân	Trưởng		12CL	TP.HCM	6	2	2003	THPT Gia Định		Nhất	Lý 12	6
690	L12.016	Nguyễn Trọng	Bách		12A11	TP.HCM	25	7	2003	THPT Phú Nhuận		Nhất	Lý 12	7
691	L12.036	Nguyễn Minh	Đặng		12CL	TP.HCM	13	10	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Lý 12	8
692	L12.038	Cao Tiến	Đạt		12T3	Đồng Nai	8	1	2003	THPT An Dương Vương		Nhất	Lý 12	9
693	L12.047	Trần Danh	Đạt		12A5	TP.HCM	21	2	2003	THPT Thủ Đức		Nhất	Lý 12	10
694	L12.131	Lê Nguyễn Bảo	Khanh	X	12A3.1	TP.HCM	22	5	2003	THPT Gia Định		Nhất	Lý 12	11
695	L12.134	Ngô Đình Bảo	Khánh		12A05	TP.HCM	1	1	2003	THPT Trần Phú		Nhất	Lý 12	12
696	L12.137	Đào Nguyễn Đăng	Khoa		12CL	TP.HCM	3	9	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Lý 12	13
697	L12.139	Nguyễn Hoàng Nhật	Khoa		12 LÝ	TP.HCM	30	3	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Lý 12	14
698	L12.165	Bùi Đức	Long		12C6	TP.HCM	4	9	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhất	Lý 12	15
699	L12.169	Trần Thành	Long		12A15	TP.HCM	25	10	2003	THPT Bình Hưng Hòa		Nhất	Lý 12	16
700	L12.184	Lê Thị Kiều	Ngân	X	12CL	TP.HCM	18	10	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Lý 12	17
701	L12.211	Nguyễn Huỳnh Long	Nhi		12A2	TP.HCM	20	4	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Lý 12	18
702	L12.215	Phạm Võ Quỳnh	Như	X	12A13	TP.HCM	24	12	2003	THPT Phú Nhuận		Nhất	Lý 12	19
703	L12.231	Nguyễn Ngọc Quang	Phúc		12A7	TP.HCM	22	3	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Lý 12	20
704	L12.238	Đương Nguyễn Mỹ	Phượng	X	12CL2	TP.HCM	23	10	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Lý 12	21
705	L12.267	Lê Anh	Tâm	X	12CL	TP.HCM	20	8	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Lý 12	22
706	L12.129	Nghiêm Gia	Khang		12CL1	TP.HCM	30	10	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Lý 12	23
707	L12.015	Nguyễn Đình	Bách		12A03	TP.HCM	30	5	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Lý 12	24
708	L12.017	Hồ Dân	Bảo		12A8	TP.HCM	14	6	2003	THPT Trưng Vương		Nhất	Lý 12	25
709	L12.022	Phùng Gia	Bảo		12C05	TP.HCM	25	4	2003	THPT Trường Chinh		Nhất	Lý 12	26
710	L12.063	Huỳnh Gia	Duy		12CL1	TP.HCM	21	9	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Lý 12	27
711	L12.069	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	X	12T1	TP.HCM	22	7	2003	THPT Đa Phước		Nhất	Lý 12	28

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
712	L12.086	Nguyễn Huy	Hoàng		12A2	TP.HCM	12	11	2003	THPT Lê Minh Xuân		Nhất	Lý 12	29
713	L12.378	Lâm Tấn	Lộc		12A1	TP.HCM	26	9	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Nhất	Lý 12	30
714	L12.116	Trần Vũ	Huy		12T3	TP.HCM	9	4	2003	THPT An Dương Vương		Nhất	Lý 12	31
715	L12.119	Huỳnh Y	Huỳnh	X	12C04	Cà Mau	18	7	2003	THPT Trường Chinh		Nhất	Lý 12	32
716	L12.138	Nguyễn Đỗ Thủ	Khoa		12A4	TP.HCM	22	2	2003	THPT Bình Chánh		Nhất	Lý 12	33
717	L12.141	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa		12CL	TP.HCM	28	6	2003	THPT Gia Định		Nhất	Lý 12	34
718	L12.172	Lê Tuấn	Minh		12CL1	TP.HCM	18	1	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Lý 12	35
719	L12.196	Lê	Nguyên		12CL	TP.HCM	7	11	2003	THPT Gia Định		Nhất	Lý 12	36
720	L12.212	Nguyễn Thị Phương	Nhi	X	12CL	TP.HCM	16	7	2003	THPT Gia Định		Nhất	Lý 12	37
721	L12.366	Mai Anh	Vũ		12A8	TP.HCM	16	4	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhất	Lý 12	38
722	L12.292	Nguyễn Quang	Thoại		12A1	Tiền Giang	21	7	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhi	Lý 12	1
723	L12.194	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	X	12A2	TP.HCM	8	1	2003	THPT Lê Minh Xuân		Nhi	Lý 12	2
724	L12.002	Phạm Trầm Phúc	An		12A01	TP.HCM	2	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhi	Lý 12	3
725	L12.004	Trần Hồng Quý	An		12A2	TP.HCM	27	4	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhi	Lý 12	4
726	L12.009	Tăng Minh	Anh	X	12 LÝ	TP.HCM	8	5	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhi	Lý 12	5
727	L12.023	Tăng Gia	Bảo		12A01	TP.HCM	4	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhi	Lý 12	6
728	L12.024	Trần Gia	Bảo		12A1	TP.HCM	15	1	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhi	Lý 12	7
729	L12.032	Hà Nguyên	Chương		12A11	TP.HCM	17	6	2003	THPT Trần Phú		Nhi	Lý 12	8
730	L12.034	Đặng Công	Cường		12A08	TP.HCM	18	4	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhi	Lý 12	9
731	L12.035	Ngô Vũ Hải	Đặng		12A1	TP.HCM	22	7	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhi	Lý 12	10
732	L12.039	Châu Trường	Đạt		12A18	TP.HCM	3	1	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhi	Lý 12	11
733	L12.044	Nguyễn Thành	Đạt		12A1	TP.HCM	12	5	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhi	Lý 12	12
734	L12.051	Nguyễn Huỳnh	Đức		12T3	Đồng Nai	9	2	2003	THPT An Dương Vương		Nhi	Lý 12	13
735	L12.052	Trịnh Hải	Đức		12A4	TP.HCM	11	12	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Nhi	Lý 12	14
736	L12.060	Lê Văn	Dương		12C1	Đồng Nai	17	11	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhi	Lý 12	15
737	L12.064	Lê	Duy		12A3	TP.HCM	29	10	2003	THPT Tây Thạnh		Nhi	Lý 12	16
738	L12.070	Nguyễn Bảo	Giang		12A4	TP.HCM	1	10	2003	THPT Lê Quý Đôn		Nhi	Lý 12	17
739	L12.073	Nguyễn Lê Như	Hà	X	12TN1	TP.HCM	2	10	2003	THPT Trung Phú		Nhi	Lý 12	18
740	L12.079	Phạm Hà Minh	Hạnh	X	12A2	TP.HCM	12	1	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Nhi	Lý 12	19
741	L12.081	Võ Công	Hậu		12A06	Đồng Nai	25	6	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Nhi	Lý 12	20
742	L12.082	Nguyễn Minh	Hiền		12A8	TP.HCM	2	12	2003	THPT Trưng Vương		Nhi	Lý 12	21
743	L12.089	Phan Huy	Hoàng		12A7	TP.HCM	25	4	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhi	Lý 12	22
744	L12.092	Đường Gia	Huệ	X	12A11	Kiên Giang	26	8	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhi	Lý 12	23
745	L12.098	Dương Phú	Hưng		12A1	TP.HCM	4	7	2003	THPT Tây Thạnh		Nhi	Lý 12	24
746	L12.101	Bùi Đức	Huy		12 LÝ	TP.HCM	16	2	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhi	Lý 12	25
747	L12.103	Bùi Quang	Huy	X	12A1	Đắk Lắk	27	1	2003	THPT Việt Âu		Nhi	Lý 12	26
748	L12.105	Đình Gia	Huy		12L2	TP.HCM	8	10	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Nhi	Lý 12	27
749	L12.110	Nguyễn Đức	Huy		12A2	Thanh Hóa	6	7	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhi	Lý 12	28
750	L12.111	Nguyễn Lâm Gia	Huy		12A08	TP.HCM	6	6	2003	THPT Phú Nhuận		Nhi	Lý 12	29
751	L12.113	Nguyễn Trung	Huy		12A1	TP.HCM	29	9	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhi	Lý 12	30
752	L12.125	Trần Quang	Khải		12A01	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	1	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Nhi	Lý 12	31
753	L12.126	Trần Vũ	Khải		12T3	Đồng Nai	27	9	2003	THPT An Dương Vương		Nhi	Lý 12	32
754	L12.128	Lao Vinh	Khang		12CL1	TP.HCM	16	3	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhi	Lý 12	33
755	L12.130	Lại Nguyễn Tuấn	Khanh		12A04	TP.HCM	18	3	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhi	Lý 12	34
756	L12.135	Nguyễn Lê Quốc	Khánh		12A02	TP.HCM	4	10	2003	THPT Trần Phú		Nhi	Lý 12	35
757	L12.144	Hoàng Xuân	Khôi		12A1	Đồng Nai	15	8	2003	THPT Nam Sài Gòn		Nhi	Lý 12	36
758	L12.148	Ngô Vũ	Khương		12A1	Trà Vinh	15	3	2003	THPT Giồng Ông Tố		Nhi	Lý 12	37
759	L12.151	Nguyễn Bùi Đức	Kiên		12A13	TP.HCM	17	5	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Nhi	Lý 12	38
760	L12.158	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	X	12A9	TP.HCM	3	8	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhi	Lý 12	39
761	L12.161	Hồ Hoàng Hữu	Lộc		12A1	TP.HCM	20	10	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Nhi	Lý 12	40
762	L12.168	Nguyễn Hoàng	Long		12A11	TP.HCM	11	1	2003	THPT Phú Nhuận		Nhi	Lý 12	41

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
763	L12.178	Triệu Nhật	Minh		12CL	TP.HCM	8	9	2003	THPT Gia Định		Nhì	Lý 12	42
764	L12.187	Tô Tuyết	Ngân	X	12A3	TP.HCM	9	2	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhì	Lý 12	43
765	L12.189	Nguyễn Thiệu Thái	Nghi	X	12A1	Bà Rịa - Vũng Tàu	9	8	2003	THPT Việt Âu		Nhì	Lý 12	44
766	L12.192	Võ Như Hiếu	Nghĩa		12A2	TP.HCM	12	1	2003	THPT Lương Thế Vinh		Nhì	Lý 12	45
767	L12.193	Nguyễn Hồng	Ngọc	X	12 TIN	TP.HCM	30	6	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Lý 12	46
768	L12.218	Tsu Minh	Phát		12CL1	TP.HCM	7	5	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Lý 12	47
769	L12.222	Phạm Hùng	Phong	X	12NT	Kiên Giang	20	3	2003	THCS và THPT Trí Đức		Nhì	Lý 12	48
770	L12.225	Đỗ Hồng	Phúc		12CL1	TP.HCM	25	8	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Lý 12	49
771	L12.233	Nguyễn Văn Hồng	Phúc		12A12	TP.HCM	17	7	2003	THPT Phú Nhuận		Nhì	Lý 12	50
772	L12.241	Nguyễn Minh	Quân		12A1	TP.HCM	12	12	2003	THPT Tân Phong		Nhì	Lý 12	51
773	L12.249	Trần Thiện	Quang		12A1	TP.HCM	24	7	2003	THPT Trần Văn Giàu		Nhì	Lý 12	52
774	L12.252	Nguyễn Hiền Dương	Quý		12CL	TP.HCM	7	2	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Lý 12	53
775	L12.253	Liên Hiệp	Quốc		12A1	TP.HCM	16	10	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Lý 12	54
776	L12.255	Hà Chí	Quyền		12A02	TP.HCM	3	8	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Lý 12	55
777	L12.266	Lê Huỳnh Minh	Tâm		12A04	Quảng Ngãi	6	6	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Lý 12	56
778	L12.268	Trịnh Phuong	Tâm		12A1	TP.HCM	17	8	2003	THPT Lê Minh Xuân		Nhì	Lý 12	57
779	L12.271	Nguyễn Nhật	Tân		12A01	Quảng Ngãi	12	7	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhì	Lý 12	58
780	L12.276	Doãn Mạnh	Thắng		12A06	An Giang	3	6	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Nhì	Lý 12	59
781	L12.279	Nguyễn	Thanh		12A7	TP.HCM	19	12	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Lý 12	60
782	L12.289	Phan Trần Bảo	Thiên		12A11	TP.HCM	20	12	2003	THPT Nguyễn Tất Thành		Nhì	Lý 12	61
783	L12.290	Trần Hoàng	Thịnh		12A8	TP.HCM	10	6	2003	THPT Bà Điểm		Nhì	Lý 12	62
784	L12.294	Nguyễn Hoàng	Thông		12TN1	TP.HCM	28	7	2003	THPT Trung Phú		Nhì	Lý 12	63
785	L12.298	Lê Trần Minh	Thư	X	12CL	TP.HCM	25	8	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhì	Lý 12	64
786	L12.312	Đặng Hoàng	Tiền		12A04	TP.HCM	16	11	2003	THPT Bình Phú		Nhì	Lý 12	65
787	L12.320	Lê Nguyễn Ngọc	Trân	X	12A04	TP.HCM	11	4	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Lý 12	66
788	L12.322	Cao Chánh	Trí		12A3.1	TP.HCM	30	5	2003	THPT Gia Định		Nhì	Lý 12	67
789	L12.323	Đình Minh	Trí		12A7	TP.HCM	7	9	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Lý 12	68
790	L12.340	Bùi Quang Minh	Tuấn		12A01	TP.HCM	16	2	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhì	Lý 12	69
791	L12.341	Lương Gia	Tuấn		12A15	TP.HCM	23	12	2003	THPT Trần Quang Khải		Nhì	Lý 12	70
792	L12.350	Lâm Minh Phuong	Uyên	X	12A5	TP.HCM	15	5	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Nhì	Lý 12	71
793	L12.351	Lê Thùy Phuong	Uyên	X	12A15	TP.HCM	17	8	2003	THPT Lương Văn Can		Nhì	Lý 12	72
794	L12.367	Nguyễn Duy	Vũ		12C1	Thừa Thiên Huế	29	11	2002	THCS và THPT Trí Đức		Nhì	Lý 12	73
795	L12.370	Đặng Thanh	Vy	X	12TN1	TP.HCM	12	8	2003	THPT Trung Phú		Nhì	Lý 12	74
796	L12.376	Trần Đặng Lan	Vy	X	12 LÝ	TP.HCM	16	10	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Lý 12	75
797	L12.007	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	X	12A3	TP.HCM	12	1	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Lý 12	1
798	L12.021	Ông Dương Gia	Bảo		12TN1	Bình Dương	30	4	2003	THPT Trung Phú		Ba	Lý 12	2
799	L12.025	Trần Quốc	Bảo		12A04	TP.HCM	12	1	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Ba	Lý 12	3
800	L12.065	Lê Quốc	Duy		12A10	TP.HCM	12	10	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Lý 12	4
801	L12.090	Đình Hồng Bá	Thị		12A1	Lâm Đồng	18	10	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Ba	Lý 12	5
802	L12.097	Đỗ Nguyễn Khánh	Hưng		12A05	TP.HCM	27	3	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Lý 12	6
803	L12.108	Lê Quang	Huy		12A1	TP.HCM	9	3	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Lý 12	7
804	L12.140	Nguyễn Tuấn	Khoa		12 A	TP.HCM	3	8	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Ba	Lý 12	8
805	L12.164	Vũ Hữu Nguyên	Lộc		12C15	TP.HCM	1	1	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Lý 12	9
806	L12.177	Trần Quang	Minh		12A3	TP.HCM	13	11	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Lý 12	10
807	L12.182	Trần Thị Tuyết	Nga	X	12A6	TP.HCM	25	4	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Lý 12	11
808	L12.186	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	X	12A14	TP.HCM	5	7	2003	THPT Tây Thạnh		Ba	Lý 12	12
809	L12.383	Dương Tấn	Hoàng		12A4	TP.HCM	21	9	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Ba	Lý 12	13
810	L12.384	Trần Ngọc Quỳnh	Như	x	12A4	TP.HCM	6	3	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Ba	Lý 12	14
811	L12.237	Ngô Văn Duy	Phuong		12CL	TP.HCM	24	3	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Ba	Lý 12	15
812	L12.315	Nguyễn Chánh	Tin		12A2	TP.HCM	23	9	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Ba	Lý 12	16
813	L12.345	Trương Thái	Tuấn		12A2	Vĩnh Long	6	7	2003	THPT Trưng Vương		Ba	Lý 12	17

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
814	L12.346	Trịnh Kiến	Tường		12A01	TP.HCM	24	11	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Lý 12	18
815	L12.359	Nguyễn Bảo	Việt		12A1	TP.HCM	13	11	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Ba	Lý 12	19
816	L12.373	Phạm Lê Tường	Vy	X	12A3	TP.HCM	30	11	2003	THPT Lê Minh Xuân		Ba	Lý 12	20
817	L12.003	Trần Bảo	An		12T3	Đồng Nai	3	11	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Lý 12	21
818	L12.008	Nguyễn Tuấn	Anh		12CL	An Giang	12	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Lý 12	22
819	L12.011	Võ Tuấn	Anh		12A1.1	Bến Tre	29	9	2003	THPT Nhân Việt		Ba	Lý 12	23
820	L12.026	Trương Quang	Bảo		12A1	Khánh Hòa	10	2	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Ba	Lý 12	24
821	L12.027	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	X	12A05	TP.HCM	9	11	2003	THPT Trần Phú		Ba	Lý 12	25
822	L12.037	Nguyễn Nhựt	Đặng		12A1	TP.HCM	28	3	2002	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Lý 12	26
823	L12.040	Đỗ Thành	Đạt		12A8	TP.HCM	20	9	2003	THPT Nguyễn Tất Thành		Ba	Lý 12	27
824	L12.041	Dương Vũ Thành	Đạt		12A01	TP.HCM	28	5	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Ba	Lý 12	28
825	L12.045	Nguyễn Thành	Đạt		12A2	TP.HCM	13	1	2003	THPT Lê Minh Xuân		Ba	Lý 12	29
826	L12.048	Trần Huỳnh Thành	Đạt		12A5	TP.HCM	9	3	2003	THPT Giồng Ông Tố		Ba	Lý 12	30
827	L12.049	Dương Phúc Nhã	Đinh	X	12A4	TP.HCM	17	6	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Lý 12	31
828	L12.055	Lương Quang	Dũng		12A9	TP.HCM	18	4	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Ba	Lý 12	32
829	L12.056	Nguyễn Đức	Dũng		12A1.1	Liên Bang Nga	23	8	2003	THPT Nhân Việt		Ba	Lý 12	33
830	L12.057	Nguyễn Minh	Dũng		12A2	Hung Yên	15	7	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Lý 12	34
831	L12.058	Võ Hùng	Dũng		12A02	Tiền Giang	2	6	2003	THPT Nguyễn Văn Cừ		Ba	Lý 12	35
832	L12.059	Huỳnh Anh	Dương		12A15	Quảng Ngãi	13	6	2003	THPT Bình Hưng Hòa		Ba	Lý 12	36
833	L12.061	Nguyễn Thụy Thủy	Dương	X	12A13	TP.HCM	20	8	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Lý 12	37
834	L12.067	Trần Minh	Duy		12A4	TP.HCM	30	9	2003	THPT Bình Chánh		Ba	Lý 12	38
835	L12.072	Phan Trường	Giang		12CL	TP.HCM	18	2	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Lý 12	39
836	L12.084	Nguyễn Nhật	Hiên		12CL	TP.HCM	30	9	2003	THPT Gia Định		Ba	Lý 12	40
837	L12.085	TrịNh Thị	Hòa	X	12A1	Hà Nội	23	8	2003	THPT Tân Phong		Ba	Lý 12	41
838	L12.094	Hồ Quốc	Hùng		12TN1	TP.HCM	4	6	2003	THPT Trung Phú		Ba	Lý 12	42
839	L12.096	Trần Việt	Hùng		12CL	TP.HCM	4	3	2003	THPT Gia Định		Ba	Lý 12	43
840	L12.099	Nguyễn Phú	Hưng		12A11	Quảng Ngãi	28	5	2003	THPT Phú Nhuận		Ba	Lý 12	44
841	L12.104	Chu Ngọc	Huy		12A3	TP.HCM	18	2	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Lý 12	45
842	L12.107	Lê Nhựt	Huy		12A3	TP.HCM	30	6	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Lý 12	46
843	L12.112	Nguyễn Phát	Huy		12A1	TP.HCM	19	2	2003	THPT Lê Minh Xuân		Ba	Lý 12	47
844	L12.114	Phan Lê Quốc	Huy		12CL1	TP.HCM	3	11	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Ba	Lý 12	48
845	L12.122	Nguyễn Lê Minh	Kha		12C1	Bình Thuận	18	9	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Lý 12	49
846	L12.124	Trần Quang	Khải		12A7	Bình Dương	3	2	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Lý 12	50
847	L12.127	Hoàng Công	Khang		12TN2	TP.HCM	29	4	2003	THPT Trung Phú		Ba	Lý 12	51
848	L12.136	Vũ Quốc	Khánh		12A01	Đồng Nai	7	7	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Lý 12	52
849	L12.145	Trịnh Nguyễn Anh	Khôi		12A1	TP.HCM	6	7	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Lý 12	53
850	L12.146	Nguyễn Quốc	Khôi		12T3	Nam Định	7	11	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Lý 12	54
851	L12.147	Trần Bạch Ngọc	Khuê	X	12A04	TP.HCM	27	3	2003	THPT Bình Phú		Ba	Lý 12	55
852	L12.152	Cao Lê Tuấn	Kiệt		12A9	TP.HCM	1	6	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Lý 12	56
853	L12.155	Nguyễn Sử	Liêm		12A2	TP.HCM	30	1	2003	THPT Phạm Văn Sáng		Ba	Lý 12	57
854	L12.157	Nguyễn Hoàng	Linh		12A06	TP.HCM	1	5	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Ba	Lý 12	58
855	L12.381	Nguyễn Đăng	Phúc		12A3	TP.HCM	10	7	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Ba	Lý 12	59
856	L12.166	Huỳnh Lê Phi	Long		12A05	TP.HCM	28	3	2003	THPT Marie Curie		Ba	Lý 12	60
857	L12.170	Nguyễn Minh	Lực		12A01	TP.HCM	9	10	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Ba	Lý 12	61
858	L12.171	Đỗ Nhân	Minh		12A2	Cần Thơ	16	7	2003	THPT Nam Sài Gòn		Ba	Lý 12	62
859	L12.174	Nguyễn Khoa Hải	Minh		12A07	TP.HCM	23	11	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Lý 12	63
860	L12.382	Phạm Tường	Duy		12A4	TP.HCM	10	1	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Ba	Lý 12	64
861	L12.181	Lý Kiệt	Mỹ	X	12A03	TP.HCM	25	3	2003	THPT Bình Phú		Ba	Lý 12	65
862	L12.201	Cao Đình Danh	Nhân		12A1	Hà Nội	4	10	2003	THPT Nam Sài Gòn		Ba	Lý 12	66
863	L12.203	Nguyễn Thành	Nhân		12A06	TP.HCM	23	9	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Ba	Lý 12	67
864	L12.205	Võ Thành	Nhân		12T3	Đồng Nai	21	11	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Lý 12	68

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
865	L12.210	Nguyễn Đào Phương	Nhi	X	12A2	TP.HCM	12	4	2003	THPT Tam Phú		Ba	Lý 12	69
866	L12.217	Nguyễn Đại	Phát		12CL	TP.HCM	29	5	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Ba	Lý 12	70
867	L12.226	Lê Hoài	Phúc		12A6	TP.HCM	18	7	2003	THPT Cần Thạnh		Ba	Lý 12	71
868	L12.228	Lê Nguyễn Thiên	Phúc		12A2	TP.HCM	28	3	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Lý 12	72
869	L12.234	Phan Lương Minh	Phúc		12A1	TP.HCM	5	4	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Lý 12	73
870	L12.236	Lê Công	Phước		12A02	TP.HCM	31	3	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Ba	Lý 12	74
871	L12.385	Nguyễn Lê Thành	Đạt		12A5	TP.HCM	31	5	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Ba	Lý 12	75
872	L12.239	Đỗ Quốc	Quân		12A9	TP.HCM	23	4	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Lý 12	76
873	L12.240	Lê Thức Anh	Quân		12CL1	TP.HCM	28	9	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Ba	Lý 12	77
874	L12.242	Nguyễn Minh	Quân	X	12T1	TP.HCM	11	12	2003	THPT An Dương Vương		Ba	Lý 12	78
875	L12.245	Phan Đào Quán	Quân		12P	Khánh Hòa	11	3	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Lý 12	79
876	L12.251	Vũ Châu Duy	Quang		12CL	TP.HCM	31	3	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Ba	Lý 12	80
877	L12.254	Phạm Gia	Quyên	X	12A11	Tiền Giang	14	1	2003	THPT Việt Âu		Ba	Lý 12	81
878	L12.256	Nguyễn Khánh	Quỳnh	X	12A07	TP.HCM	14	10	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Lý 12	82
879	L12.257	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	X	12A1	TP.HCM	11	3	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Lý 12	83
880	L12.273	Trần Nguyễn Phương	Tây	X	12A5	Đắk Lắk	11	9	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Lý 12	84
881	L12.274	Đoàn Vũ Hoàng	Thái		12A1	TP.HCM	6	12	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Lý 12	85
882	L12.277	Nguyễn Đình	Thắng		12CL	Bình Dương	31	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Lý 12	86
883	L12.278	Nguyễn Hoàng	Thắng		12A8	TP.HCM	14	1	2003	THPT Nguyễn Tất Thành		Ba	Lý 12	87
884	L12.282	Nguyễn Gia	Thành		12A07	TP.HCM	23	6	2003	THPT Trần Phú		Ba	Lý 12	88
885	L12.283	Nguyễn Văn	Thành		12A4	TP.HCM	15	10	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Lý 12	89
886	L12.285	Nguyễn Ngọc	Thảo		12A14	Quảng Trị	4	11	2002	THPT Tây Thạnh		Ba	Lý 12	90
887	L12.286	Phan Trần Vy	Thảo	X	12 LÝ	TP.HCM	26	9	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Ba	Lý 12	91
888	L12.288	Võ Thị Thanh	Thảo	X	12A1	TP.HCM	16	3	2003	THPT Tân Thông Hội		Ba	Lý 12	92
889	L12.291	Vương Hoàng	Thịnh		12A4	TP.HCM	14	7	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Ba	Lý 12	93
890	L12.295	Tạ Quang	Thông		12C10	TP.HCM	28	3	2003	THPT Trường Chinh		Ba	Lý 12	94
891	L12.296	Đỗ Thị Anh	Thư	X	12A1.1	Quảng Nam	5	3	2003	THPT Nhân Việt		Ba	Lý 12	95
892	L12.299	Nguyễn Minh	Thư	X	12A4	TP.HCM	8	10	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Lý 12	96
893	L12.303	Trần Quang Phước	Thuận		12A1	TP.HCM	23	8	2003	THPT Giồng Ông Tố		Ba	Lý 12	97
894	L12.308	Trịnh Thị Thanh	Thùy	X	12A11	TP.HCM	10	10	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Ba	Lý 12	98
895	L12.317	Nguyễn Huỳnh Phương	Toàn		12A06	Bình Dương	25	3	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Ba	Lý 12	99
896	L12.321	Nguyễn Thu	Trang	X	12A1.1	Bà Rịa - Vũng Tàu	18	11	2003	THPT Nhân Việt		Ba	Lý 12	100
897	L12.324	Lý Trần Phước	Trí		12A7	TP.HCM	30	9	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Ba	Lý 12	101
898	L12.326	Nguyễn Quang	Trí		12A09	Đà Nẵng	24	9	2003	THPT Marie Curie		Ba	Lý 12	102
899	L12.327	Văn Hoàng Cao	Trí		12A8	TP.HCM	23	5	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Lý 12	103
900	L12.333	Nguyễn Thanh	Trúc	X	12A1.1	TP.HCM	29	1	2003	THPT Nhân Việt		Ba	Lý 12	104
901	L12.335	Vũ Thanh	Trúc	X	12A06	TP.HCM	26	12	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Ba	Lý 12	105
902	L12.336	Lê Minh	Trung		12A01	TP.HCM	9	9	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Ba	Lý 12	106
903	L12.349	Đỗ Phương	Uyên	X	12A6	TP.HCM	26	8	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Lý 12	107
904	L12.357	Trần Thị	Ven	X	12A1	Bình Định	15	7	2003	THPT Tân Phong		Ba	Lý 12	108
905	L12.358	Nguyễn Khôi	Vĩ		12C1	Tiền Giang	15	1	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Lý 12	109
906	L12.363	Nhan Tô Hoàng	Vinh		12A1	TP.HCM	6	10	2003	THPT Nam Sài Gòn		Ba	Lý 12	110
907	L12.368	Nguyễn Minh	Vũ		12C11	TP.HCM	29	8	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Lý 12	111
908	L12.371	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	X	12A1	TP.HCM	20	9	2003	THPT Tân Phong		Ba	Lý 12	112
909	L12.372	Nguyễn Trương Khánh	Vy	X	12A1.1	TP.HCM	22	5	2003	THPT Nhân Việt		Ba	Lý 12	113
910	L12.374	Phan Ngọc Thảo	Vy	X	12A6	Khánh Hòa	18	9	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Lý 12	114
911	S12.107	Trần Nguyễn Thanh	Huyền	X	12TH	TP.HCM	2	3	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Sinh 12	1
912	S12.167	Võ Nhật	Nam		12CT	TP.HCM	28	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhất	Sinh 12	2
913	S12.076	Trần Thị Thu	Hiền	X	12A15	Ninh Bình	28	7	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Nhất	Sinh 12	3
914	S12.144	Nguyễn Ngọc	Long		12 SINH	TP.HCM	4	2	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Sinh 12	4
915	S12.248	Phan Quang	Sang		12B	TP.HCM	26	9	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Sinh 12	5

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
916	S12.040	Nguyễn Hà Xuân	Đoan	X	12A02	TP.HCM	23	3	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Sinh 12	6
917	S12.270	Bùi Lê Mỹ	Thơ	X	12TH	Cần Thơ	29	6	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Sinh 12	7
918	S12.316	Hồ Trọng	Tường		12CSI	TP.HCM	11	1	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Sinh 12	8
919	S12.007	Lương Tú	Anh	X	12A4	TP.HCM	28	8	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Sinh 12	9
920	S12.276	Hoàng Anh	Thư	X	12B1	TP.HCM	13	9	2003	THPT Gia Định		Nhất	Sinh 12	10
921	S12.103	Nguyễn Đăng	Huy		12 SINH	TP.HCM	10	5	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhất	Sinh 12	11
922	S12.181	Lê Hữu	Nghĩa		12CSI	TP.HCM	22	12	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Sinh 12	12
923	S12.186	Nguyễn Hồng	Ngọc	X	12CL	TP.HCM	6	8	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Sinh 12	13
924	S12.197	Phan Tấn Khôi	Nguyên		12CH	TP.HCM	30	10	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Sinh 12	14
925	S12.312	Phạm Triệu Thanh	Trúc	X	12B1	TP.HCM	28	8	2003	THPT Lê Quý Đôn		Nhất	Sinh 12	15
926	S12.143	Hồ Quang	Lợi		12A4	TP.HCM	5	6	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Sinh 12	16
927	S12.172	Huỳnh Phạm Kim	Ngân	X	12A12	TP.HCM	19	5	2003	THPT Trần Phú		Nhất	Sinh 12	17
928	S12.001	Nguyễn Trần Bá	An		12A8	TP.HCM	30	10	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhất	Sinh 12	18
929	S12.042	Nguyễn Công	Đức		12CH	Thừa Thiên Huế	12	5	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhất	Sinh 12	19
930	S12.078	Ngô Phúc	Hiếu		12A3	TP.HCM	9	10	2003	THPT An Dương Vương		Nhất	Sinh 12	20
931	S12.226	Đỗ Mai	Phuong	X	12CSI	TP.HCM	4	2	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Sinh 12	21
932	S12.231	Nguyễn Ngọc Uyên	Phuong	X	12CSI	TP.HCM	21	1	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Sinh 12	22
933	S12.296	Huỳnh Bảo	Trần	X	12CS	TP.HCM	20	1	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Sinh 12	23
934	S12.336	Hà Ngọc	Vũ		12A12	Thừa Thiên Huế	5	11	2003	THPT Trần Phú		Nhất	Sinh 12	24
935	S12.142	Đình Hồng	Lợi		12A3	Quảng Nam	8	11	2003	THPT Tây Thanh		Nhất	Sinh 12	25
936	S12.347	Trần Thị Kim	Xoàn	X	12CSI	An Giang	15	11	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Sinh 12	26
937	S12.313	Lê Quốc	Trung		12A8	TP.HCM	6	9	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhất	Sinh 12	27
938	S12.043	Nguyễn Hữu	Đức		12A1	TP.HCM	3	9	2003	THPT Trung Lập		Nhất	Sinh 12	28
939	S12.048	Nguyễn Thùy	Dương	X	12B	Đồng Nai	23	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhất	Sinh 12	29
940	S12.114	Hồ Vũ Hoàng	Khoa		12CS	TP.HCM	17	10	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhất	Sinh 12	30
941	S12.168	Phạm Ngọc	Nga	X	12B3	TP.HCM	3	5	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Nhất	Sinh 12	31
942	S12.184	Lê Nguyễn Thanh	Ngọc	X	12A4	An Giang	8	5	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhất	Sinh 12	32
943	S12.199	Lê Thành	Nhân		12CH	TP.HCM	10	9	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhất	Sinh 12	33
944	S12.255	Nguyễn Thiên	Tâm	X	12B1	TP.HCM	8	8	2003	THPT Gia Định		Nhất	Sinh 12	34
945	S12.258	Lưu Hoàng	Thái		12CT	TP.HCM	20	6	2003	THPT Gia Định		Nhất	Sinh 12	35
946	S12.328	Hồ Bùi Ngọc	Vân	X	12CSI	TP.HCM	6	5	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhất	Sinh 12	36
947	S12.281	Từ Minh	Thuận		12CT	Tiền Giang	12	3	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Sinh 12	1
948	S12.304	Mã Thiên	Trang	X	12CS	TP.HCM	26	4	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Sinh 12	2
949	S12.098	Võ Nữ Quỳnh	Hương	X	12A13	An Giang	3	12	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhì	Sinh 12	3
950	S12.242	Hà Xuân	Quỳnh	X	12CSI	TP.HCM	17	4	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Sinh 12	4
951	S12.257	Nguyễn Trung	Thạch		12A2	Quảng Ngãi	13	5	2003	THPT An Lạc		Nhì	Sinh 12	5
952	S12.348	Dương Lục Ánh	Xuân	X	12CSI	TP.HCM	25	12	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Sinh 12	6
953	S12.100	Đỗ Quốc	Huy		12A10	Vĩnh Long	19	5	2003	THPT Bình Phú		Nhì	Sinh 12	7
954	S12.350	Trần Ngọc Hải	Yến	X	12A05	TP.HCM	21	1	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Sinh 12	8
955	S12.153	Đào Nguyễn Nhật	Minh		12A3	Đồng Nai	7	6	2003	THPT An Dương Vương		Nhì	Sinh 12	9
956	S12.008	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	X	12A04	Long An	11	6	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Sinh 12	10
957	S12.038	An Thị Thúy	Diệu	X	12C12	TP.HCM	9	8	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhì	Sinh 12	11
958	S12.063	Nguyễn Thị Hồng	Hà	X	12A13	Thừa Thiên Huế	30	7	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Nhì	Sinh 12	12
959	S12.066	Lý Tiến	Hải		12CS	TP.HCM	21	9	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Sinh 12	13
960	S12.067	Dương Gia	Hân	X	12A8	TP.HCM	7	2	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Nhì	Sinh 12	14
961	S12.074	Lê Minh	Hiền	X	12B1	TP.HCM	12	9	2003	THPT Gia Định		Nhì	Sinh 12	15
962	S12.086	Lê Thái	Học		12C06	Hà Tây	18	12	2003	THPT Trường Chinh		Nhì	Sinh 12	16
963	S12.110	Trương Bảo	Khang		12A20	Kiên Giang	11	4	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Sinh 12	17
964	S12.117	Trương Quý	Khoa	X	12A3	Đồng Nai	22	9	2003	THPT An Dương Vương		Nhì	Sinh 12	18
965	S12.123	Hồ Nguyễn Bảo	Lân		12CH	TP.HCM	11	10	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Sinh 12	19
966	S12.150	Phan Minh Trúc	Ly	X	12A07	Quảng Nam	15	11	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Nhì	Sinh 12	20

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
967	S12.171	Huỳnh Phạm Khánh	Ngân	X	12A1	TP.HCM	4	9	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Nhì	Sinh 12	21
968	S12.176	Trương Thảo	Ngân	X	12A19	TP.HCM	16	9	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Sinh 12	22
969	S12.195	Hoàng Bùi Thảo	Nguyễn	X	12A2	TP.HCM	18	12	2003	THPT Lê Minh Xuân		Nhì	Sinh 12	23
970	S12.225	Trần Huỳnh	Phước		12A1	TP.HCM	17	8	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Nhì	Sinh 12	24
971	S12.228	Lê Hồ Hiều	Phương	X	12A4	TP.HCM	12	12	2003	THPT Bình Chánh		Nhì	Sinh 12	25
972	S12.273	Phan Ngọc	Thọ		12C12	Hà Tĩnh	26	10	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhì	Sinh 12	26
973	S12.292	Ngô Thái	Tông		12B08	TP.HCM	19	11	2003	THPT Nguyễn Hiền		Nhì	Sinh 12	27
974	S12.295	Phan Thị Ngọc	Trâm	X	12CSI	TP.HCM	13	3	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Sinh 12	28
975	S12.299	Nguyễn Tú	Trần	X	12A13	TP.HCM	20	1	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Nhì	Sinh 12	29
976	S12.327	Thạch Đặng Minh	Uyên	X	12 SINH	TP.HCM	9	8	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Sinh 12	30
977	S12.329	Phạm Khiết	Văn		12B1	TP.HCM	8	2	2003	THPT Gia Định		Nhì	Sinh 12	31
978	S12.342	Phan Thúy	Vy	X	12CT	TP.HCM	25	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Sinh 12	32
979	S12.091	Lê Công	Hưng		12 SINH	TP.HCM	3	3	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Nhì	Sinh 12	33
980	S12.099	Bạch Thanh	Huy		12A5	Bình Dương	4	9	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Nhì	Sinh 12	34
981	S12.136	Bùi Tấn	Lộc		12N	TP.HCM	10	8	2003	THPT Ngô Quyền		Nhì	Sinh 12	35
982	S12.160	Phan Hoàng Bảo	Minh		12CSI	TP.HCM	3	5	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Nhì	Sinh 12	36
983	S12.252	Huỳnh Nguyễn Thành	Tài		12A12	TP.HCM	7	8	2003	THPT Tây Thanh		Nhì	Sinh 12	37
984	S12.031	Nguyễn Minh	Chiến		12A13	TP.HCM	11	9	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhì	Sinh 12	38
985	S12.072	Lê Hồng	Hậu		12CS	TP.HCM	25	11	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Sinh 12	39
986	S12.170	Huỳnh Nguyễn Thanh	Ngân	X	12A4	TP.HCM	5	2	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Sinh 12	40
987	S12.192	Trần Thị Hồng	Ngọc	X	12C12	TP.HCM	21	4	2003	THPT Võ Trường Toản		Nhì	Sinh 12	41
988	S12.243	Hoàng Thảo	Quỳnh	X	12CS	Nghệ An	20	3	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Sinh 12	42
989	S12.333	Nguyễn Bảo	Việt		12A4	TP.HCM	4	11	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Nhì	Sinh 12	43
990	S12.009	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	X	12CA	Thừa Thiên Huế	12	11	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhì	Sinh 12	44
991	S12.030	Đỗ Đình	Chiến		12A14	Bình Định	14	4	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Nhì	Sinh 12	45
992	S12.033	Võ Hùng	Cường		12CS	TP.HCM	24	11	2003	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa		Nhì	Sinh 12	46
993	S12.050	Đặng Trần	Duy		12A04	Quảng Ngãi	20	11	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Sinh 12	47
994	S12.061	Nguyễn Cao Ngọc	Hà	X	12CT	TP.HCM	1	1	2003	THPT Gia Định		Nhì	Sinh 12	48
995	S12.065	Phan Thanh	Hà	X	12A14	TP.HCM	23	1	2003	THPT Marie Curie		Nhì	Sinh 12	49
996	S12.080	Bành Xương	Hoà		12A20	TP.HCM	6	8	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Sinh 12	50
997	S12.081	Ngô Thị Thu	Hoài	X	12CA	TP.HCM	9	2	2003	THPT Gia Định		Nhì	Sinh 12	51
998	S12.115	Nguyễn Thành	Khoa		12A03	TP.HCM	11	8	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhì	Sinh 12	52
999	S12.122	Võ Tuấn	Kiệt		12P	TP.HCM	10	4	2003	THPT Ngô Quyền		Nhì	Sinh 12	53
1000	S12.131	Trần Đặng Mỹ	Linh	X	12A4	TP.HCM	1	10	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Nhì	Sinh 12	54
1001	S12.137	Đinh Thiên Phước	Lộc		12A03	TP.HCM	21	4	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhì	Sinh 12	55
1002	S12.156	Lê Quang	Minh		12A03	TP.HCM	1	6	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Sinh 12	56
1003	S12.174	Lý Hà Kim	Ngân	X	12B3	TP.HCM	7	10	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Nhì	Sinh 12	57
1004	S12.183	Hồ Hồng	Ngọc	X	12B	TP.HCM	29	11	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Nhì	Sinh 12	58
1005	S12.238	Lưu Chấn	Quốc		12A4	TP.HCM	17	1	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Nhì	Sinh 12	59
1006	S12.247	Lê Thanh	Sang		12A19	TP.HCM	2	11	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi		Nhì	Sinh 12	60
1007	S12.261	Nguyễn Bình	Thảo		12A9	TP.HCM	18	10	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Nhì	Sinh 12	61
1008	S12.267	Huỳnh Hữu	Thịnh		12A1	TP.HCM	20	4	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Nhì	Sinh 12	62
1009	S12.307	Đặng Phạm Minh	Trí		12A02	TP.HCM	28	11	2003	THPT Nguyễn Thượng Hiền		Nhì	Sinh 12	63
1010	S12.343	Trần Kim	Vy	X	12A4	TP.HCM	5	11	2003	THPT Lương Thế Vinh		Nhì	Sinh 12	64
1011	S12.019	Lê Thế	Bảo		12A1	Quảng Bình	25	12	2003	THPT Tân Thông Hội		Nhì	Sinh 12	65
1012	S12.141	Trần Huỳnh	Lộc		12A2	TP.HCM	17	8	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Nhì	Sinh 12	66
1013	S12.203	Trần Thanh	Nhật		12A03	TP.HCM	17	2	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Nhì	Sinh 12	67
1014	S12.208	Nguyễn Hoàng Minh	Nhì	X	12B2	TP.HCM	21	10	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Nhì	Sinh 12	68
1015	S12.223	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	X	12A13	Quảng Nam	4	2	2003	THPT Trần Phú		Nhì	Sinh 12	69
1016	S12.070	Nguyễn Lưu Hoàng Bảo	Hân	X	12A1	TP.HCM	2	3	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Nhì	Sinh 12	70
1017	S12.130	Phạm Trần Gia	Linh	X	12B1	TP.HCM	13	5	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Nhì	Sinh 12	1

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
1018	S12.191	Trần Bảo	Ngọc	X	12A01	TP.HCM	19	5	2003	THPT Bình Phú		Ba	Sinh 12	2
1019	S12.266	Trương Hữu Minh	Thì		12A4	TP.HCM	3	2	2003	THPT Bùi Thị Xuân		Ba	Sinh 12	3
1020	S12.268	Lê Đạt	Thịnh		12B3	TP.HCM	1	1	2003	THPT Nguyễn Khuyến		Ba	Sinh 12	4
1021	S12.272	Nguyễn Hữu	Thọ		12C12	TP.HCM	22	1	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Sinh 12	5
1022	S12.300	Trần Thị Ngọc	Trần	X	12A4	Cà Mau	10	8	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Ba	Sinh 12	6
1023	S12.002	Nguyễn Trường	An		12A02	TP.HCM	2	10	2003	THPT Marie Curie		Ba	Sinh 12	7
1024	S12.022	Nguyễn Hoài Bảo	Châu		12A11	TP.HCM	21	12	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Sinh 12	8
1025	S12.035	Nguyễn Văn Thành	Đạt		12A5	TP.HCM	19	9	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Sinh 12	9
1026	S12.039	Phan Mai	Định	X	12A8	TP.HCM	23	3	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Sinh 12	10
1027	S12.083	Chu Đình	Hoàng		12A14	Hưng Yên	3	10	2003	THPT Trần Hưng Đạo		Ba	Sinh 12	11
1028	S12.087	Đoàn Quang	Huấn		12A1	TP.HCM	30	8	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Ba	Sinh 12	12
1029	S12.116	Phạm Vũ	Khoa		12A4	TP.HCM	26	11	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Sinh 12	13
1030	S12.119	Hoàng Trung	Kiên	X	12A1	Kiên Giang	23	6	2003	THPT Việt Âu		Ba	Sinh 12	14
1031	S12.125	Đinh Diệu	Linh	X	12A03	TP.HCM	19	9	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Sinh 12	15
1032	S12.128	Huỳnh Tùng	Linh	X	12CSI	TP.HCM	11	5	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Ba	Sinh 12	16
1033	S12.129	Lâm Mỹ	Linh	X	12A8	TP.HCM	24	3	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Sinh 12	17
1034	S12.138	Lê Đức	Lộc		12A1	TP.HCM	31	7	2003	THPT Giồng Ông Tố		Ba	Sinh 12	18
1035	S12.154	Hoàng Quốc	Minh		11CSI-B	TP.HCM	15	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Ba	Sinh 12	19
1036	S12.159	Phạm Quang Nhật	Minh		12A4	TP.HCM	11	4	2003	THCS và THPT Ngôi Sao		Ba	Sinh 12	20
1037	S12.161	Vương Tiến	Minh		12A4	TP.HCM	2	8	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Sinh 12	21
1038	S12.165	Võ Thị Hà	My	X	12A14	TP.HCM	14	12	2003	THPT Marie Curie		Ba	Sinh 12	22
1039	S12.169	Dương Kim	Ngân	X	12A8	TP.HCM	5	3	2003	THPT Trần Khai Nguyên		Ba	Sinh 12	23
1040	S12.188	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	X	12A12	TP.HCM	14	12	2003	THPT Trần Phú		Ba	Sinh 12	24
1041	S12.194	Dư Phúc	Nguyễn		12A2	TP.HCM	22	2	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Sinh 12	25
1042	S12.205	Nguyễn Anh	Nhi	X	12A08	TP.HCM	10	9	2003	THPT Phú Nhuận		Ba	Sinh 12	26
1043	S12.215	Khưu Thị Hoài	Nhung	X	12A1	TP.HCM	3	11	2003	THPT Tân Thông Hội		Ba	Sinh 12	27
1044	S12.218	Nguyễn Thị	Oanh	X	12A15	Nam Định	30	6	2002	THPT Tạ Quang Bửu		Ba	Sinh 12	28
1045	S12.353	Nguyễn Minh	Khôi		12A5	TP.HCM	25	11	2003	THPT Hoàng Hoa Thám		Ba	Sinh 12	29
1046	S12.219	Đỗ Thành	Phát		12A3	TP.HCM	28	10	2002	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Sinh 12	30
1047	S12.222	Lai Gia	Phúc		12C1	Bến Tre	8	6	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Sinh 12	31
1048	S12.235	Lê Thị Ngọc	Phượng	X	12A11	TP.HCM	24	11	2003	THPT Tây Thạnh		Ba	Sinh 12	32
1049	S12.237	Trần Văn Thanh	Quang		12A9	Thừa Thiên Huế	16	6	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Ba	Sinh 12	33
1050	S12.250	Lê Hồ Thị Ngọc	Sáng	X	12A1	TP.HCM	17	3	2003	THPT Lê Minh Xuân		Ba	Sinh 12	34
1051	S12.253	Dương Thị Anh	Tâm	X	12A12	TP.HCM	17	11	2003	THPT Trần Phú		Ba	Sinh 12	35
1052	S12.256	Trần Gia	Tân		12A03	TP.HCM	1	1	2003	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Ba	Sinh 12	36
1053	S12.277	Lại Thị Minh	Thư	X	12A5	TP.HCM	13	2	2003	THPT Tây Thạnh		Ba	Sinh 12	37
1054	S12.286	Đặng Thanh	Thùy	X	12 SINH	TP.HCM	18	9	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Ba	Sinh 12	38
1055	S12.287	Nguyễn Ngọc Khánh	Thy	X	12A1	TP.HCM	14	2	2003	THPT Tam Phú		Ba	Sinh 12	39
1056	S12.311	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	X	12P	TP.HCM	12	11	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Sinh 12	40
1057	S12.317	Dương Bích	Tuyền	X	12A7	Cà Mau	21	8	2003	THPT An Lạc		Ba	Sinh 12	41
1058	S12.321	Mai Anh	Tuyết	X	12A04	TP.HCM	24	7	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Sinh 12	42
1059	S12.330	Dư Ngọc Tường	Vi	X	12A4	TP.HCM	11	2	2003	THPT Lương Thế Vinh		Ba	Sinh 12	43
1060	S12.337	Cao Đình Bảo	Vy	X	12A9	TP.HCM	30	8	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Sinh 12	44
1061	S12.339	Ngô Ngọc Tường	Vy	X	12A11	TP.HCM	3	3	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Sinh 12	45
1062	S12.010	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	X	12TN1	TP.HCM	12	9	2003	THPT Trung Phú		Ba	Sinh 12	46
1063	S12.026	Phan Ngọc Minh	Châu	X	12TN1	Tây Ninh	5	9	2003	THPT Trung Phú		Ba	Sinh 12	47
1064	S12.093	Trịnh Nam	Hưng		12C12	TP.HCM	27	6	2003	THPT Võ Trường Toản		Ba	Sinh 12	48
1065	S12.096	Nguyễn Thị Trúc	Hương	X	12A4	Long An	25	10	2003	THPT An Nghĩa		Ba	Sinh 12	49
1066	S12.112	Phan Nguyễn	Khánh		12A1	TP.HCM	11	1	2003	THPT Tân Thông Hội		Ba	Sinh 12	50
1067	S12.158	Nguyễn Hồng	Minh	X	12A13	TP.HCM	19	12	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Sinh 12	51
1068	S12.163	Trần Lê Trà	My	X	12A6	TP.HCM	9	1	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Sinh 12	52

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
1069	S12.265	Tô Lễ	Thị	X	12A1	TP.HCM	5	2	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Sinh 12	53
1070	S12.318	Huỳnh Ngọc Thanh	Tuyền	X	12A4	TP.HCM	20	10	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Sinh 12	54
1071	S12.024	Nguyễn Minh	Châu	X	12CSI	TP.HCM	19	9	2003	THPT chuyên Lê Hồng Phong		Ba	Sinh 12	55
1072	S12.118	Trịnh Duy	Khôi		12A2	TP.HCM	4	8	2003	THPT Võ Văn Kiệt		Ba	Sinh 12	56
1073	S12.139	Lê Hữu	Lộc		12A4	TP.HCM	15	7	2003	THPT An Nghĩa		Ba	Sinh 12	57
1074	S12.284	Trần Hồ Vĩnh	Thường	X	12A13	TP.HCM	21	1	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Sinh 12	58
1075	S12.301	Cao Thị Kiều	Trang	X	12A07	Nam Định	5	2	2003	THPT Bình Phú		Ba	Sinh 12	59
1076	S12.326	Nguyễn Trần Kim	Uyên	X	12B	TP.HCM	22	8	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân		Ba	Sinh 12	60
1077	S12.006	Lê Thị Lan	Anh	X	12A6	Sóc Trăng	7	7	2003	THPT An Lạc		Ba	Sinh 12	61
1078	S12.012	Phạm Tuyết	Anh	X	12A04	TP.HCM	29	5	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Sinh 12	62
1079	S12.025	Nguyễn Thanh Hoàn	Châu	X	12A2	TP.HCM	20	11	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Sinh 12	63
1080	S12.028	Lê Bình Khánh	Chi	X	12TN1	TP.HCM	13	6	2003	THPT Trung Phú		Ba	Sinh 12	64
1081	S12.034	Đinh Thành	Đạt		12A06	Ninh Bình	10	6	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Ba	Sinh 12	65
1082	S12.045	Nguyễn Thị	Dung	X	12A5	Thanh Hóa	20	10	2003	THPT Thủ Đức		Ba	Sinh 12	66
1083	S12.047	Lê Đức Thái	Dương		12G	TP.HCM	4	7	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Sinh 12	67
1084	S12.051	Lê Huỳnh Minh	Duy		12A9	Tây Ninh	10	10	2003	THPT Hiệp Bình		Ba	Sinh 12	68
1085	S12.052	Lê Kim Khánh	Duy		12C1	Tiền Giang	20	3	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Sinh 12	69
1086	S12.062	Nguyễn Khánh	Hà	X	12P	TP.HCM	22	10	2003	THPT Ngô Quyền		Ba	Sinh 12	70
1087	S12.064	Phan Sơn	Hà		12A2	TP.HCM	16	7	2003	THPT Bình Chánh		Ba	Sinh 12	71
1088	S12.068	Lý Gia	Hân	X	12A9	TP.HCM	11	12	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Sinh 12	72
1089	S12.079	Nguyễn Phan Ngọc	Hiếu	X	12A6	TP.HCM	16	12	2003	THPT Nguyễn Hữu Thọ		Ba	Sinh 12	73
1090	S12.082	Bùi Minh	Hoàng		12A2	TP.HCM	14	4	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Sinh 12	74
1091	S12.089	Trịnh Đình	Hùng		12B1	TP.HCM	25	9	2003	THCS và THPT Đức Trí		Ba	Sinh 12	75
1092	S12.090	Dương Phước	Hưng		12A03	TP.HCM	30	7	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Sinh 12	76
1093	S12.101	Lý Thanh	Huy		12A1	TP.HCM	17	11	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Sinh 12	77
1094	S12.102	Mai Anh	Huy		12A7	TP.HCM	4	11	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Sinh 12	78
1095	S12.113	Bùi Thiện	Khiêm		12A2	TP.HCM	14	3	2003	THPT Tân Túc		Ba	Sinh 12	79
1096	S12.121	Ngô Trần Tuấn	Kiệt		12A4	TP.HCM	16	9	2003	THPT An Nghĩa		Ba	Sinh 12	80
1097	S12.126	Đỗ Thị Mỹ	Linh	X	12C1	Kiên Giang	16	10	2003	THCS và THPT Trí Đức		Ba	Sinh 12	81
1098	S12.135	Dương Ngọc Kiều	Loan	X	12A4	TP.HCM	25	1	2003	THPT Bình Chánh		Ba	Sinh 12	82
1099	S12.140	Phạm Hữu	Lộc		12A6	TP.HCM	12	12	2003	THPT Bà Điểm		Ba	Sinh 12	83
1100	S12.145	Nguyễn Thành	Long		12A07	TP.HCM	8	7	2003	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Ba	Sinh 12	84
1101	S12.148	Huỳnh Trần Yến	Ly	X	12A06	Lâm Đồng	25	8	2003	THPT Lý Thường Kiệt		Ba	Sinh 12	85
1102	S12.164	Văn Trà	My	X	12 SINH	TP.HCM	26	1	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Ba	Sinh 12	86
1103	S12.177	Võ Thúy	Ngân	X	12A3	TP.HCM	19	1	2003	THPT Lê Trọng Tấn		Ba	Sinh 12	87
1104	S12.189	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	X	12A9	TP.HCM	29	7	2003	THPT Tây Thạnh		Ba	Sinh 12	88
1105	S12.210	Vũ Mỹ Thanh	Nhi	X	12A04	TP.HCM	17	5	2003	THPT Võ Thị Sáu		Ba	Sinh 12	89
1106	S12.211	Đỗ Nguyễn Tâm	Như	X	12A7	TP.HCM	7	4	2003	THPT Bình Hưng Hòa		Ba	Sinh 12	90
1107	S12.213	Trịnh Tâm	Như	X	12A9	TP.HCM	15	7	2003	THPT Tây Thạnh		Ba	Sinh 12	91
1108	S12.216	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Nhung	X	12A13	TP.HCM	19	10	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Sinh 12	92
1109	S12.239	Hà Phú	Quý		12A6	TP.HCM	5	2	2003	THPT Nguyễn Chí Thanh		Ba	Sinh 12	93
1110	S12.246	Trần Phạm Xuân	Quỳnh	X	12A19	TP.HCM	24	1	2003	THPT Trần Quang Khải		Ba	Sinh 12	94
1111	S12.254	Lê Minh	Tâm		12A5	Đồng Tháp	18	3	2003	THPT Nguyễn Hữu Thọ		Ba	Sinh 12	95
1112	S12.259	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	X	12B1	TP.HCM	9	11	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Sinh 12	96
1113	S12.297	Huỳnh Mỹ	Trần	X	12A10	TP.HCM	7	4	2003	THPT Bình Phú		Ba	Sinh 12	97
1114	S12.298	Lê Ngọc Bảo	Trần	X	12A1	TP.HCM	21	9	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Sinh 12	98
1115	S12.308	Nguyễn Gia	Trí		12TN2	TP.HCM	7	8	2003	THPT Trung Phú		Ba	Sinh 12	99
1116	S12.315	Nguyễn Thị Hoài	Tú	X	12A4	TP.HCM	15	11	2003	THPT An Nghĩa		Ba	Sinh 12	100
1117	S12.322	Nguyễn Minh	Tuyết	X	12A2	TP.HCM	19	8	2003	THPT Trần Văn Giàu		Ba	Sinh 12	101
1118	S12.323	Lê Hoàng Gia	Uyên	X	12B1	TP.HCM	31	7	2003	THPT Lê Quý Đôn		Ba	Sinh 12	102
1119	S12.325	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	X	12A13	Bến Tre	24	3	2003	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Ba	Sinh 12	103

STT	SBD	Họ	Tên	Nữ	Lớp	Nơi Sinh	Ngày	Thang	Nam	Tên Trường	Quận/huyện	Giải	MÔN	STT
1120	S12.331	Trương Ngọc Ái	Vì	X	12A1	TP.HCM	26	3	2003	THPT Giồng Ông Tố		Ba	Sinh 12	104
1121	S12.332	Nguyễn Trọng	Vĩ		12A11	Quảng Ngãi	6	7	2003	THPT Nguyễn Công Trứ		Ba	Sinh 12	105
1122	S12.338	Khúc Ngọc Khánh	Vy	X	12 SINH	TP.HCM	5	11	2003	Phổ Thông Năng khiếu		Ba	Sinh 12	106